

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số thuộc Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, vay vốn Ngân hàng Thế giới, thực hiện tại tỉnh Lào Cai.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ Phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2993/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” thực hiện tại tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Hợp đồng cho vay lại số 21/2018/QLN-NTN ngày 22/11/2018 giữa Bộ Tài chính và UBND tỉnh Lào Cai cho dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai;

Căn cứ Quyết định số 3999/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của UBND tỉnh Lào Cai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2019;

Căn cứ Thư không phản đối ngày 19/11/2019 của Ngân hàng thế giới đối với Dự thảo Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số tỉnh Lào Cai;

Xét Tờ trình số 730/TTr-STNMT ngày 26/11/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc xin phê duyệt “Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số” Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, vay vốn Ngân hàng Thế giới, thực hiện tại tỉnh Lào Cai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành kèm theo quyết định này Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số thuộc dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, vay vốn Ngân hàng Thế giới, thực hiện tại tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường (Chủ đầu tư) chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch này đảm bảo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT. UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở TN&MT (02 bản);
- Lưu: VT, TH2, TNMT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Trịnh Xuân Trường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

**“Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”
(VILG)**



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4185/QĐ-UBND ngày 11 /12/2019
của UBND tỉnh Lào Cai) *

LÀO CAI, 2019

CÁC TỪ VIẾT TẮT

CSDL	Cơ sở dữ liệu
DTTS	Dân tộc thiểu số
DTTSDP	Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số
MPLIS	Hệ thống thông tin đất đai quốc gia đa mục tiêu
PTNT	Phát triển nông thôn
TCQLĐĐ	Tổng cục Quản lý đất đai
TNMT	Tài nguyên và Môi trường
TW	Trung ương
UBND	Ủy ban nhân dân
VILG	Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”
VPĐK	Văn phòng đăng ký đất đai

MỤC LỤC

CÁC TỪ VIẾT TẮT	1
MỤC LỤC	3
I. TỔNG QUAN DỰ ÁN	4
1.1. <i>Khái quát về Dự án</i>	4
1.2. <i>Nội dung dự án</i>	4
II. TÓM TẮT ĐÁNH GIÁ XÃ HỘI	6
2.1. Phạm vi, khu vực DTTS sinh sống trong khu vực triển khai dự án:	6
2.2. Đặc điểm kinh tế, văn hóa xã hội của DTTS trong vùng dự án	6
2.3. Đánh giá tác động khi triển khai thực hiện dự án	13
2.4. Khung chính sách và cơ sở pháp lý	15
III. KẾT QUẢ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG	17
3.1. Kết quả các phát hiện chính từ tham vấn về xã hội	17
3.2. Khung tham vấn và phương pháp tham vấn cộng đồng	18
IV. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG	19
V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	27
VI. PHỔ BIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ	28
6.1. Công khai Kế hoạch DTTS	28
6.2. Đảm bảo sự tham gia Kế hoạch DTTS	28
VII. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI	29
VIII. KINH PHÍ DỰ KIẾN	29
IX. TỔ CHỨC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ	29
BẢNG 1: TIÊU CHÍ THỰC HIỆN GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ	31
PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH THAM DỰ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG	33
PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH THAM DỰ THAM VẤN CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC QUẢN LÝ/CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ	35

I. TỔNG QUAN DỰ ÁN

1.1. *Khái quát về Dự án*

Mục tiêu của Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” (viết tắt VILG) là nhằm phát triển, vận hành một hệ thống thông tin đất đai quốc gia đa mục tiêu nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của Chính phủ, doanh nghiệp và người dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả và minh bạch của công tác quản lý đất đai tại địa bàn thực hiện dự án thông qua việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai, ở cả cấp quốc gia và các địa phương.

Mục tiêu cụ thể của dự án:

Phát triển và vận hành Hệ thống thông tin đất đai đa mục đích để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

- Phát triển, vận hành một hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của địa phương, doanh nghiệp và người dân.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả và minh bạch của công tác quản lý đất đai tại địa bàn thực hiện dự án thông qua việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai.

- Hoàn thiện và vận hành CSDL đất đai của địa phương (dữ liệu địa chính, dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, dữ liệu giá đất, dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai) phục vụ công tác quản lý đất đai, cung cấp dịch vụ công về đất đai, kết nối với Trung ương và chia sẻ thông tin đất đai với các ngành có liên quan (thuế, công chứng, ngân hàng,...).

- Hoàn thiện việc cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai thông qua việc hiện đại hóa các VPĐK từ việc cải tiến quy trình, tiêu chuẩn dịch vụ tới việc trang bị thiết bị đầu - cuối của các VPĐK và đào tạo cán bộ.

- Nâng cao hiệu quả của công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng đối với Dự án; đặc biệt là đối với công tác xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống thông tin đất đai; hệ thống theo dõi, đánh giá quản lý và sử dụng đất đai.

1.2. *Nội dung dự án*

Dự án sẽ bao gồm 3 hợp phần như sau:

• **Hợp phần 1: Tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ đất đai**

Hợp phần này sẽ hỗ trợ: (i) Hiện đại hóa và tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai, (ii) Đào tạo, truyền thông và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số; (iii) Thiết lập và thực hiện Hệ thống theo dõi và đánh giá việc quản lý và sử dụng đất.

Hợp phần này sẽ hỗ trợ nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ đất đai thông qua việc hoàn thiện quy trình và tiêu chuẩn dịch vụ, cải tạo cơ sở vật chất, nâng cao năng lực của các cán bộ VPĐK ở các huyện dự án. Hợp phần này sẽ hỗ trợ việc thống nhất các tiêu chuẩn nghiệp vụ và cơ sở vật chất của VPĐK và chi nhánh VPĐK, đồng thời tăng cường sự tham gia của người dân,

khu vực tư nhân và các bên liên quan khác thông qua các chiến dịch truyền thông và nâng cao nhận thức. Các hoạt động của hợp phần này sẽ tạo điều kiện để triển khai các hoạt động kỹ thuật trong khuôn khổ Hợp phần 2 của dự án. Ngoài ra, Hợp phần này cũng sẽ giúp theo dõi việc thực hiện quản lý sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và dần dần đáp ứng các nhu cầu của nền kinh tế, xã hội trong hiện tại và trong tương lai về khả năng tiếp cận tốt hơn với các thông tin và dịch vụ thông tin đất đai.

- **Hợp phần 2: Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và triển khai hệ thống thông tin đất đai quốc gia đa mục tiêu (MPLIS)**

Hợp phần này hỗ trợ cho: (i) phát triển một mô hình hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu, tập trung, thống nhất trên phạm vi toàn quốc; (thiết lập hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm để quản trị và vận hành hệ thống cho cả nước; (ii) Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia với 04 thành phần là: (i) thông tin địa chính; (ii) quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; (iii) giá đất và (iv) thống kê, kiểm kê đất đai; (iii) Phát triển Cổng thông tin đất đai, dịch vụ công điện tử trong lĩnh vực đất đai và chia sẻ, liên thông dữ liệu với các ngành, lĩnh vực khác dựa trên Khung kiến trúc chính phủ điện tử được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành nhằm tăng cường sự tham gia của người dân đối với hệ thống MPLIS

- **Hợp phần 3: Hỗ trợ quản lý dự án**

Hợp phần này sẽ: (i) hỗ trợ quản lý dự án, (ii) hỗ trợ theo dõi và đánh giá dự án.

- **Tên dự án:** “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, Tiếng Anh “Vietnam - Improved Land Governance and Database Project”, Tên viết tắt: VILG

- **Tên nhà tài trợ:** Ngân hàng Thế giới.

- **Cơ quan chủ quản đề xuất dự án:** Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- **Cơ quan chủ quản tham gia dự án:** Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

- **Chủ dự án:**

- + Chủ dự án đề xuất dự án: Tổng cục Quản lý đất đai (TCQLĐĐ), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TNMT).

- + Chủ dự án đối với địa bàn được đầu tư xây dựng CSDL đất đai: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai.

- **Thời gian thực hiện dự án:** từ năm 2017 đến năm 2022.

- **Địa điểm triển khai dự án:** Dự kiến dự án sẽ được triển khai tại 09 huyện của tỉnh Lào Cai, gồm các huyện, thành phố: Lào Cai, Sa Pa, Bảo Thắng, Bắc Hà, Bảo Yên, Văn Bàn, Mường Khương, Si Ma Cai, Bát Xát.

II. TÓM TẮT ĐÁNH GIÁ XÃ HỘI

PPMU sẽ tiến hành một đánh giá xã hội để thu thập dữ liệu và thông tin về các cộng đồng dân tộc thiểu số trong khu vực dự án.

2.1. Phạm vi, khu vực DTTS sinh sống trong khu vực triển khai dự án:

Các huyện có người dân tộc thiểu số sinh sống tại tỉnh Lào Cai như bảng dưới đây:

Huyện	Nhóm người dân tộc 1		Nhóm người dân tộc 2		Nhóm người dân tộc 3		Nhóm người dân tộc 4		Nhóm người dân tộc 5		Nhóm người dân tộc khác
	Tên	Số lượng	Tên	Số lượng	Tên	Số lượng	Tên	Số lượng	Tên	Số lượng	Số lượng
Sa Pa	H.Mông	33.510	Tày	2.907	Dao	14.083	Nùng	19	Giáy	905	677
Bắc Hà	H.Mông	29.776	Tày	6.526	Dao	9.313	Nùng	5.400	Giáy	41	2.558
Thành Phố Lào Cai	H.Mông	512	Tày	9.705	Dao	3.183	Nùng	465	Giáy	6.020	2.120
Huyện Bảo Thắng	H.Mông	8.782	Tày	10.113	Dao	13.676	Nùng	3.537	Giáy	3.778	2.262
Huyện Bảo Yên	H.Mông	10.994	Tày	29.592	Dao	20.324	Nùng	2.014	Giáy	834	1.469
Huyện Mường Khương	H.Mông	27.400	Tày	359	Dao	3.325	Nùng	14.441	Giáy	2.994	5.755
Huyện Si Ma Cai	H.Mông	28.344	Tày	150	Dao	61	Nùng	3.605	Giáy	25	1.526
Huyện Bát Xát	H.Mông	24.884	Tày	735	Dao	21.369	Nùng	94	Giáy	14.770	250
Huyện Văn Bàn	H. Mông	10.365	Tày	45.336	Dao	15.665	Nùng	44	Giáy	2.659	3.775
Tổng cộng	H. Mông	174.567	Tày	105.423	Dao	100.999	Nùng	29.619	Giáy	32.026	20.392

Nguồn: Thống kê DTTS tỉnh Lào Cai năm 2018

2.2. Đặc điểm kinh tế, văn hóa xã hội của DTTS trong vùng dự án

Tính đến thời điểm 31/12/2017, tỉnh Lào Cai có 29 thành phần dân tộc sinh sống trên địa bàn tỉnh, trong đó có 28 thành phần dân tộc thiểu số (12 dân tộc thiểu số định cư lâu đời, sống thành cộng đồng, làng bản, còn lại 16 thành phần dân tộc từ các địa phương khác đến định cư). Dân số toàn tỉnh Lào Cai có 699.507 triệu dân; trong đó người kinh 235.383 người, chiếm khoảng 33,65% tổng dân số; tiếp theo là dân tộc H'Mông khoảng 174.567 người, chiếm 24,96% tổng dân số của tỉnh; dân tộc Tày khoảng 105.423 người, chiếm 15,07% dân số của tỉnh; Dân tộc Dao 101.026 người, chiếm 14,44% dân số toàn tỉnh; dân tộc Giáy có khoảng 32.026 người, chiếm 4,57% dân số toàn tỉnh; dân tộc Nùng có khoảng 29.621 người, chiếm 4,23% dân số toàn tỉnh; dân tộc Phù Lá có khoảng 9.824 người, chiếm 1,40% dân số toàn tỉnh; dân tộc Hà Nhì có khoảng 4.599 người, chiếm 0,66% dân số toàn tỉnh; dân tộc Thái có khoảng 2.047 người, chiếm 0,29% dân số toàn tỉnh; dân tộc Mường có khoảng 1.495 người, chiếm 0,21% dân số toàn tỉnh; dân tộc Bố Y có khoảng 1.703 người, chiếm 0,24% dân số toàn tỉnh; dân tộc Hoa có khoảng 800 người, chiếm 0,11% dân số toàn tỉnh; dân tộc La Chí có khoảng 672 người, chiếm 0,1% dân số toàn tỉnh.

Ngoài ra, 16 dân tộc thiểu số có dân số 322 người, chiếm 0,07% so với dân số người dân tộc thiểu số như dân tộc Sán Chay, Sán Diu, Khơ me, Khơ Mú, Tà Ôi, Lô Lô, Lào, Xơ Đăng, Gia Rai, Pà Thên, Giẻ Triêng, Ê đê, Thổ, Cơ Tu, La Hủ, Kháng.

Đặc thù riêng của từng dân tộc thiểu số như sau:

a) Dân tộc H'Mông:

H'Mông là tộc người có số dân đứng thứ hai trong tỉnh Lào Cai sau dân tộc Kinh. Tính đến năm 2018, dân số H'Mông ở Lào Cai có khoảng 174.567 người, chiếm 24,96% tổng dân số của tỉnh. Dân tộc H'Mông cư trú ở các huyện trên địa bàn tỉnh. Nhưng chủ yếu tập chung ở các huyện Sa Pa, Bắc Hà, Mường Khương, Si Ma Cai.

Mỗi bản của người H'Mông gồm vài chục nóc nhà nằm ở sườn núi, chân đồi, dọc theo ven suối để tiện việc ra ruộng lên nương. Người đứng đầu làng do dân tự chọn tên gọi "*già làng*", là người có tuổi cao, có đạo đức, năng lực, biết làm ăn, biết lý người H'Mông, biết đối nhân xử thế với cá nhân và cộng đồng, biết những chính sách của nhà nước.

Nhằm duy trì nếp sống tự quản, mỗi làng đều có những luật tục (quy ước) chung, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Các chức dịch trong làng đều dựa vào những quy ước đó để điều hành công việc. Các thành viên, gia đình trong làng bản đều dựa vào đó để tổ chức cuộc sống của mình và gia đình. Hàng năm, già làng đứng ra tổ chức họp làng; thành viên tham gia gồm chủ nhà của các hộ trong làng bản. Mọi người lắng tai nghe già làng nói. Khi ra về phải truyền lại cho tất cả người trong gia đình mình rõ và phải làm theo cho đúng.

Do cư trú trên các dải núi cao, sống gắn bó với rừng và đất rừng cho nên nông nghiệp nương rẫy trở thành nền tảng kinh tế vô cùng quan trọng của người H'Mông. Địa hình vùng cao đã tạo cho người H'Mông điều kiện phát triển kinh tế nương rẫy theo các dạng khác nhau. Ở phía đông địa hình bằng phẳng, ít xói mòn người dân trên loại nương đặc thù - nương thổ canh hốc đá với cây trồng chính là ngô và một số hoa màu khác. Ở phía tây của tỉnh (Sa Pa, Bát Xát) người dân chủ yếu canh tác trên loại hình ruộng bậc thang hoặc nương dốc. Công cụ chủ yếu làm nương rẫy sắc bén, điển hình là cày và cuốc bướm. Người H'Mông canh tác thâm canh, một mảnh nương bình quân có thể khai tác 4-5 vụ hoặc có thể kéo dài đến vài chục năm (ở nơi đất bằng phẳng). Ngoài ra đồng bào còn trồng thêm một số loại lương thực như khoai lang, đậu tương, lạc, vừng, rau cải, bầu, nó. Họ trồng các loại cây ăn quả trong vườn nhà như mận, đào, bưởi...

Về chăn nuôi, mỗi gia đình người H'Mông nuôi gà, lợn, trâu, bò để cung cấp sức kéo, vận chuyển và làm thực phẩm. Bên cạnh đó người H'Mông rất giỏi trong việc săn bắt và hái lượm.

Nghề thủ công của người H'Mông gồm: trồng lanh, dệt vải, nghề rèn đúc, nghề mộc, đan lát.

Người H'Mông thường họp chợ phiên. Cơ cấu mặt hàng ở chợ phản ánh nền kinh tế tự cung, tự cấp của đồng bào như một vài con gà, gạo, ngô, sản phẩm thêu, rèn... Với người H'Mông việc đến chợ là để vui chơi, đáp ứng nhu cầu giao lưu tình cảm chứ không nhất thiết là trao đổi hàng hóa.

Nhà ở của người H'Mông chủ yếu là nhà trình tường đất, có 3 cửa gồm một cửa chính, một cửa ngách và một cửa thông xuống bếp. Trước kia nhà thường lợp mái cỏ gianh bây giờ nhiều nơi sử dụng mái tôn hoặc prôximăng, 3 gian, cao khoảng 3 - 5m, mái dốc hai bên. Gian chính giữa là gian thiêng rộng hơn hai gian bên cạnh chừng 80 - 100cm, nơi bắc vạc hậu chéch bên phải gian giữa dán giấy bản là nơi thờ cúng tổ tiên. Nhà bao giờ cũng có hai bếp, một bếp lò to đắp bằng đất để nấu rượu, nấu cám, được gọi là bếp mẹ (bếp dành cho người phụ nữ lo toan việc chăn nuôi, bếp núc) và một bếp kiềng con để nấu cơm, đun nước thường gọi là bếp bố (dùng cho nam giới đun nước pha trà, tiếp khách). Nhà làm hai gác để dự trữ lương thực và các vật dụng khác. Các góc nhà là buồng ngủ của các cặp vợ chồng, con cái.

Nhìn chung, xã hội H'Mông vẫn mang tính cộng đồng nhất, đoàn kết gắn bó giữa các thành viên. Điều này thể hiện ở các hình thức vân đỏi công, tương trợ, tục chia sẻ trong ăn uống lễ tết, sự quan tâm giúp đỡ lẫn nhau. Sự liên kết giữa các gia đình cũng như sự gắn bó của mỗi thành viên với làng dựa trên quan hệ thân tộc hoặc quan hệ láng giềng.

Nguồn kinh tế đDTTS lại thu nhập quan trọng nhất trong đời sống của người H'Mông là nông nghiệp trồng lúa. Nguồn thu nhập từ rẫy chiếm vị trí thứ hai sau thu nhập hoa lợi ruộng nước và cũng đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống của người H'Mông, đặc biệt là trong những năm gần đây giá trị kinh tế từ cây lâm nghiệp cao đã thúc đẩy đồng bào sử dụng đất lâm nghiệp.

Tuy nhiên đối với phụ nữ dân tộc H'Mông đa số đều không nói được tiếng Việt, họ thường nói tiếng dân tộc của họ mặc dù một số phụ nữ biết tiếng Việt. Do đó rất khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số của dự án. Vì vậy, để việc triển khai Kế hoạch được thuận lợi thì các chương trình tập huấn và truyền thông tại các địa phương này cần phải dịch ra tiếng H'Mông để người dân có thể hiểu và tiếp cận đến dự án một cách đầy đủ.

Hiện nay, các thửa đất của người dân cơ bản đã được cấp GCN QSDĐ theo đúng mục đích sử dụng và chủ sử dụng. Tuy nhiên, trong quá trình cấp giấy chứng nhận QSDĐ nhiều hộ gia đình không cung cấp đủ các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định của Luật Đất đai bởi vì họ mua, bán hay thừa kế nhưng không có giấy tờ hoặc có giấy tờ nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương như quy định của luật đất đai. Mặt khác, việc làm thất lạc, mất giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cũng phổ biến trong cộng đồng người H'Mông vì họ chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Họ vẫn còn duy trì việc sử dụng đất theo phong tục của cha ông để lại mà không ai có thể lấn chiếm được.

b) Dân tộc Tày:

Dân tộc Tày là dân tộc có số dân đông thứ ba trong tỉnh Lào Cai, với số lượng khoảng 105.423 người, chiếm 15,07% dân số của tỉnh và là dân tộc có số dân đông thứ hai trong các dân tộc thiểu số, sau dân tộc H'Mông.

Người Tày là cư dân nông nghiệp có truyền thống làm ruộng nước, từ lâu đời đã đúc rút được nhiều kinh nghiệm canh tác với những kỹ thuật đắp bờ, giữ nước, chống úng, dẫn thủy nhập điền để trồng cấy các cây lương thực phù hợp với từng vụ, từng chất đất. Người Tày thường trồng lúa nước, lúa nương, ngô, sắn, đậu xanh, lạc, vừng, các loại rau củ như rau mết, khoai lang, rau muống, bầu, bí, cây ăn quả như xoài, chuối, vải...

Người Tày chăn nuôi trâu, ngựa, lợn gà, cá... cung cấp thực phẩm cho bữa ăn hàng ngày, các dịp lễ tết hoặc dDTTS bán, đổi.

Các nghề thủ công gia đình được chú ý như: Dệt thổ cẩm, rèn, đúc, nghề mộc, đan lát. Nổi tiếng nhất là nghề dệt thổ cẩm thủ công truyền thống từ lâu đời được duy trì đến ngày nay. Nghề rèn, đúc được phát triển mạnh trong vùng người Tày ở xã Thanh Phú, Nậm Sài huyện Sa Pa, xã Tà Chải huyện Bắc Hà... Nghề mộc, nghề đan lát cũng là nghề phát triển phổ biến rộng rãi.

Chợ là một hoạt động kinh tế quan trọng. Người Tày thường tập trung họp chợ vào ngày chủ nhật hàng tuần với quy mô từ 3 đến 5 xã liền kề. Hoạt động buôn bán thường diễn ra trong 1/2 ngày. Các mặt hàng chủ yếu là thực phẩm, đồ dùng sinh hoạt và các sản phẩm thủ công truyền thống. Chợ cũng là nơi giao lưu gặp gỡ, trao đổi, thăm hỏi nhau.

Mỗi làng đều có khu vực cư trú và đất đai canh tác riêng. Người Tày thường lấy con sông, suối hay một quả đồi làm ranh giới giữa làng này với làng khác. Đất đai cũng như mọi sản vật trên vùng đất của làng như cây, cỏ, chim, thú đều do làng quản lý. Bộ máy tổ chức các làng truyền thống của người Tày rất chặt chẽ. Đứng đầu làng có già làng, trưởng bản, là người am hiểu về phong tục tập quán, ược mọi người tín nhiệm. Già làng đứng ra điều tiết các mối quan hệ giữa các dòng họ, thành viên trong làng. Sau già làng có trưởng bản là người đứng ra quản lý và giải quyết các công việc của làng như quản lý đất đai và giải quyết những xung đột trong làng. Cơ chế hoạt động của các làng dựa trên những quy tắc, quy ước, hương ước do các thành viên trong làng đặt ra, ai vi phạm quy tắc sẽ bị làng phạt. Các làng của người Tày không chỉ là một tổ chức xã hội mà còn là một cộng đồng về văn hoá, tín ngưỡng tạo nên những nét đặc trưng, sự khác biệt giữa làng này với làng khác. Sinh hoạt văn hoá, tín ngưỡng của người Tày rất phong phú và đa dạng. Hầu như các làng đều lập miếu thờ các vị thần, có thể là Thần Núi, Thần Rừng, Thần Sông, nhưng miếu được dựng chủ yếu là thờ Thần Thổ địa. Miếu thờ thường được dựng dưới một gốc cây to hoặc hang suối. Ngày nay, các làng của người Tày có nhiều thay đổi so với trước về không gian, kiến trúc đến các thiết chế xã hội, sinh hoạt văn hoá tinh thần. Tính chất khép kín của các làng truyền thống dần được cởi mở hơn, họ không còn sống độc lập trong những ngôi làng mà đã sống xen kẽ với đồng bào các dân tộc khác như Nùng,

Dao, H'Mông, Kinh, làm cho quá trình giao thoa văn hoá giữa các dân tộc ngày càng diễn ra mạnh mẽ, đặc biệt là với dân tộc Kinh.

Hiện nay, hầu hết người dân tộc Tày ở một số địa bàn các huyện trong tỉnh đã được cấp GCN QSDĐ theo dự án đo đạc cấp GCN QSDĐ. Các thửa đất của người dân cơ bản đã được cấp GCN theo đúng mục đích sử dụng và chủ sử dụng.

Về ngôn ngữ giao tiếp đa số người dân tộc Tày đều nghe và nói được tiếng Tiếng Việt, nên việc triển khai Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số là khá thuận lợi.

c) Dân tộc Dao:

Dân tộc Dao là tộc người có số dân đứng thứ tư trong tỉnh Lào Cai, với 101.026 người, chiếm 14,44%% dân số toàn tỉnh.

Người Dao Đỏ cư trú chủ yếu ở các huyện Sa Pa, Bát Xát, Văn Bàn, Bảo Yên, Bắc Hà, Bảo Thắng. Người Dao Hợ là một nhóm địa phương của ngành Dao Quần Trắng, cư trú chủ yếu ở 5 xã thuộc huyện Bảo Thắng là Sơn Hà, Sơn Hải, Phú Nhuận, Thái Niên, Trì Quang; một xã thuộc huyện Bảo Yên là xã Cam Cạn và hai xã thuộc huyện Văn Bàn là Tân An, Tân Thượng. Người Dao Tuyển cư trú tại các xã Long Khánh, Long Phúc, Xuân Hòa, Thượng Hà, Xuân Thượng, Tân Tiến, Tân Dương, Điện Quan, Bảo Hà, Kim Sơn thuộc huyện Bảo Yên; xã Xuân Quang, Trì Quang, Phong Niên, Phong Hải, Bản Càn, Bản Phiệt thuộc huyện Bảo Thắng; xã Cốc Mỹ, Bản Qua, Quang Kim thuộc huyện Bát Xát; xã Bản Lầu, Bản Xen, Thanh Bình thuộc huyện Mường Khương; xã Cốc Ly, Tả Củ Tỷ, Bảo Nhai thuộc huyện Bắc Hà; xã Đồng Tuyển, Cam Đường, Vạn Hòa, phường Nam Cường, phường Bắc Cường thuộc thành phố Lào Cai.

Canh tác nương rẫy là hình thức canh tác phổ biến của người Dao Đỏ và Dao Tuyển. Trải qua nhiều đời, đồng bào đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm chọn đất để trồng lúa, trồng ngô, hoa màu. Riêng người Dao Đỏ còn có hình thức nương thổ canh hóc đá với cây trồng chủ yếu là ngô, kê. Hình thức này ít bị xói mòn. Trên nương, ngoài trồng lúa, ngô, đồng bào còn trồng sắn, khoai. Trước đây, nguồn lương thực từ nương rẫy là nguồn sống chính của người Dao.

Người Dao Hợ canh tác lúa nước từ sớm. Người Dao Đỏ và Dao Tuyển từ những năm 50 - 60 thế kỷ XX mới tiến hành trồng lúa nước. Canh tác ruộng nước của người Dao chủ yếu là ruộng bậc thang. Bên cạnh làm nương, người Dao còn làm kinh tế vườn góp phần tăng thêm thu nhập cho gia đình.

Người Dao chăn nuôi trâu, lợn, gà, ngan, vịt, cá... chủ yếu để cung cấp nguồn thực phẩm cho gia đình, làm sức kéo, làm lễ vật phục vụ nghi thức cúng bái, ít dùng làm vật trao đổi với bên ngoài.

Trong đời sống kinh tế truyền thống của người Dao ở Lào Cai trước đây, các hoạt động khai thác nguồn lợi tự nhiên không thể thiếu bao gồm săn bắt, hái lượm và đánh bắt cá. Hoạt động khai thác nguồn lợi tự nhiên của người Dao diễn ra quanh năm. Phân công lao động trong hoạt động này khá rõ ràng: nam giới săn bắt, phụ nữ hái lượm rau quả, kiếm măng, tìm thuốc, bắt cua, ốc...

Nghề thủ công truyền thống của người Dao có dệt vải, mộc, rèn đúc, thêu, làm trống, chạm khắc bạc, làm giấy.

Hoạt động trao đổi, mua bán của người Dao diễn ra chủ yếu ở các phiên chợ trong vùng. Các mặt hàng người Dao mang ra chợ bán khá phong phú: thóc, ngô, ngựa, trâu, gà, mật ong, sản phẩm thủ công... hàng hóa mua về là nhu yếu phẩm cần thiết cho sinh hoạt gia đình. Người Dao đến chợ không chỉ để mua bán, mà còn đi "chơi chợ". Phiên chợ là nơi giao lưu, gặp gỡ mọi người.

Mỗi làng người Dao có khoảng vài ba chục nóc nhà, có một người đứng đầu. Trước đây, vai trò người đứng đầu thuộc về chủ làng. Đó thường là trưởng họ của dòng họ có công lập làng hoặc một người có uy tín, giỏi làm ăn, có khả năng thuyết phục, tập hợp, chỉ đạo dân làng, nắm vững luật tục, quy ước chung của làng. Hiện nay, người đứng đầu làng thường là trưởng thôn.

Mỗi làng còn có một già làng. Đó là người am hiểu phong tục, tập quán, biết cúng bái, gương mẫu, có uy tín. Già làng có chức năng giám sát việc thực hiện các nghi lễ chung của làng và của cả các gia đình theo đúng phong tục cổ truyền.

Mỗi làng người Dao đều có những quy ước về bảo vệ rừng, rừng cấm, nguồn nước; quy ước về quan hệ giữa các gia đình trong làng và quan hệ giữa các thành viên trong mỗi gia đình và trong cả cộng đồng. Luật tục của làng được cộng đồng làng chấp nhận và thành viên trong làng tự nguyện tuân theo. Nếu vi phạm sẽ căn cứ vào mức độ mà xử phạt theo luật tục.

Về ngôn ngữ giao tiếp đa số người dân tộc Dao đều nghe và nói được tiếng Việt, nên việc triển khai Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số là khá thuận lợi.

Tương tự, đến nay trên địa bàn tỉnh Lào Cai đã thực hiện cơ bản việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho người dân nói chung và người dân tộc Dao nói riêng.

d) Dân tộc Giáy

Dân tộc Giáy là tộc người có số dân đứng thứ năm trong tỉnh Lào Cai, với 32.026 người, chiếm 4,57%% dân số toàn tỉnh.

Người Giáy ở Lào Cai có truyền thống canh tác lúa nước. Kỹ thuật canh tác lúa nước của người Giáy khá cao, năng suất tốt. Bên cạnh đó, họ còn trồng lúa nương. Ngoài ra, họ còn trồng sắn, mía, đậu tương, vừng, lạc... trồng các loại rau như rau ngót, rau cải, rau muống... và các loại cây ăn quả.

Chăn nuôi là nghề phụ. Đồng bào Giáy thường nuôi gà, vịt, ngan, chó, trâu, ngựa, dê... Trâu để phục vụ sản xuất, lợn, gà, vịt phục vụ cúng tế, cải thiện bữa ăn hoặc để trao đổi mua bán.

Người Giáy ở Lào Cai có các nghề thủ công như mộc, rèn, đan lát, kim hoàn, dệt... chủ yếu để phục vụ trong gia đình, số ít được trao đổi mua bán.

Hoạt động buôn bán, trao đổi hàng hóa của người Giáy thường thông qua chợ phiên. Không chỉ mang ra chợ những sản vật do gia đình tự làm để bán và mua những sản phẩm khác phục vụ nhu cầu sinh hoạt sản xuất, đồng bào Giáy đến chợ còn để giao lưu, gặp gỡ nhau.

Nhà ở của người Giáy ở Lào Cai là nhà đất. Bếp liền với nhà ở. Gian giữa đặt bàn thờ. Gian bên phải là bếp sưởi. Trong cùng là buồng ngủ. Các nhà truyền thống của người Giáy đều có gác - là nơi chứa thóc, gạo, các vật dụng của gia đình, còn có thể là nơi ngủ của con trẻ, con trai, khách nam. Tuy nhiên, đến nay, nhiều ngôi nhà của người Giáy được xây bằng gạch, có tầng.

Trang phục Áo nam giới gồm hai mảnh vải gập lại, khoét nách, khoét cổ, khi may chập hai mảnh vải đó thành 1 đường chỉ sau lưng áo; phía trước may mép vải lại, vạt bên phải may thêm 1 chiếc nẹp nhỏ bằng ngón tay cái và ở hai mép vải phía trước là nơi để cài khuy áo. Gấu áo xẻ khoảng 1 - 2 cm theo đường may từ nách xuống. Tà áo dài qua thắt lưng, vừa chấm hông, có 3 túi. Cổ tròn, đứng, cao khoảng 2 cm. Áo của phụ nữ Giáy được cắt may đơn giản. Xẻ hai nách, mỗi bên dài khoảng 20 cm, không thêu thùa nhưng có viền. Viền của cổ áo, tay áo bằng vải khác màu áo. Đuôi áo vạt trước, sau bằng nhau, được cắt theo hình đuôi tôm hơi tù. Khuy áo cài ở nách bên phải. Áo của phụ nữ Giáy thường được may bằng các loại vải màu tươi: hồng, xanh nõn chuối, xanh nước biển, tím nhạt. Quần của nam và nữ có cách cắt may giống nhau: Gồm hai ống quần, mỗi ống phải chắp thêm một mảnh vải nữa, nên ống quần thường có hai đường may, người Giáy gọi là quần hai xương, cạp rời. Quần của nữ được may bằng vải lụa cho mềm mại.

Cộng đồng, làng bản thông thường của người Giáy sống theo từng làng. Tên làng thường được đặt theo vị trí địa lý, đặc điểm hay quy mô, hoặc sự kiện, sự việc. Mỗi làng đều có những luật tục quy định về sử dụng nguồn nước, đất đai, chăn thả gia súc, luật tục về xã hội...

Về ngôn ngữ giao tiếp đa số người dân tộc Giáy đều nghe và nói được tiếng Tiếng Việt, nên việc triển khai Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số là khá thuận lợi.

Hiện nay, tỉnh Lào Cai đã thực hiện cơ bản việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho người dân trên địa bàn tỉnh nói chung và đồng bào dân tộc Giáy nói riêng.

e) Dân tộc Nùng

Ở Lào Cai, người Nùng đã có mặt từ lâu đời, cư trú ở tất cả các huyện, thành phố trong tỉnh, nhưng sinh sống thành cộng đồng làng bản chỉ tập trung ở các huyện Mường Khương, Bắc Hà, Bảo Thắng, Si Ma Cai, Bảo Yên

Người Nùng chủ yếu trồng các loại cây lương thực, thực phẩm và hoa màu trên đồng ruộng, nương rẫy, gò đồi. Cây lương thực chủ yếu là lúa, ngô. Người Nùng Dín ở Mường Khương trồng loại lúa Sóng Cù ngon, dẻo nổi tiếng khắp nơi. Người Nùng trồng các loại cây công nghiệp, hoa màu kết hợp như đậu tương, khoai, sắn, lạc, rau cải, su hào, bầu, bí, mướp, ớt, chuối, bưởi, đào, mận, cam, quýt.

Đồng bào Nùng thường nuôi trâu, ngựa để cày bừa, thò cùi; lợn, gà, vịt, ngan dùng làm thực phẩm, hoặc để bán.

Người Nùng ở Lào Cai vẫn duy trì loại hình kinh tế hái lượm và săn bắt các sản phẩm tự nhiên sẵn có, đó là măng vầu, măng nứa, củ mài, mộc nhĩ, hoa chuối, rau xương cá, rau dớn, rau dền dại, nấm đất, nấm hương... săn bắt châu chấu, dế, tôm tép, cá suối, ốc, ếch, sấu măng.

Bên cạnh sản xuất nông nghiệp, người Nùng còn có một số nghề thủ công truyền thống tiêu biểu như đan lát, mộc, tranh cắt giấy, thêu hoa văn, làm ngói máng. Các nghề thủ công truyền thống của người Nùng tuy không có quy mô lớn phát triển thành sản phẩm hàng hoá nhưng có vai trò quan trọng trong đời sống, đó là đã khai thác và tận dụng được nguyên liệu vật liệu sẵn có của địa phương tạo ra sản phẩm giảm bớt chi phí, đĐTTS lại hiệu quả kinh tế tại chỗ, tranh thủ, tận dụng thời gian rảnh rỗi tạo việc làm, tạo ra nhiều đồ dùng sinh hoạt, công cụ lao động.

Hoạt động trao đổi, mua bán chủ yếu diễn ra ở các chợ phiên trong vùng. Đồng bào mang các sản phẩm do mình sản xuất ra bán lấy tiền và mua về các nhu yếu phẩm phục vụ đời sống.

Nhà ở của người Nùng có hai loại chính là nhà trình tường quá giang và nhà lầu hay nhà vì.

Nhà trình tường là loại nhà chân cột bắc quá giang, xung quanh trình tường vây kín, mái lợp gianh có độ dốc cao. Người ở tầng dưới (mặt đất), từ quá giang lên làm sàn gác để thóc ngô, của cải. Còn nhà lầu (nhà vì) làm bằng gỗ tốt gồm 3 tầng, xung quanh có thể bưng ván hoặc trình tường. Kiến trúc làm theo kiểu tàu gồm cột, xà, kèo nhưng luôn phang ngang dọc đảm bảo có độ bền vững cao. Người ở tầng dưới, tầng hai để thóc ngô của cải và chỗ ngủ cho khách, tầng ba để thóc ngô giống và đồ dùng ít sử dụng. Mái nhà chủ yếu được lợp bằng ngói máng. Sau này được lợp bằng ngói đất nung hoặc ngói xi măng.

Cả hai loại nhà đều có ban gian chính. Gian giữa đặt bàn thờ gia tiên có bài trí các câu đối trang trọng, bàn ghế tiếp khách và chỗ ngủ của gia chủ, hai gian hai bên làm buồng ngủ của con cháu, ông bà. Đối với nhà trình tường có thêm hai chái để làm bếp và chuồng chăn nuôi trâu, ngựa, lợn, gà. Nhà ở của người Nùng tương đối rộng rãi.

Cộng đồng, làng bản người Nùng thường sống tập trung thành làng bản. Làng người Nùng thường lập ở dưới chân núi, phía trước có suối nước, cánh đồng hoặc gò đồi, xung quanh có núi bao bọc. Dù ở vị trí nào cũng tuân theo nguyên lý: trước mặt có tầm nhìn xa trông rộng, sau lưng có điểm tựa vững chắc và có nguồn nước phục vụ sinh hoạt thuận lợi. Các gia đình trong làng bản người Nùng nằm liền kề với nhau nhằm đoàn kết chống thú dữ, chống giặc ngoại xâm, chống trộm cướp, đồng thời có điều kiện giúp đỡ lẫn nhau khi có người ốm đau bệnh tật, có việc cưới xin, tang lễ, dựng nhà hoặc không may gặp hỏa hoạn...

Về ngôn ngữ giao tiếp đa số người dân tộc Nùng đều nghe và nói được tiếng Tiếng Việt, nên việc triển khai Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số là khá thuận lợi.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Lào Cai đã thực hiện cơ bản việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho người dân nói chung và đồng bào dân tộc Nùng nói riêng.

2.3. Đánh giá tác động khi triển khai thực hiện dự án

Các tác động tích cực

Qua các phương pháp điều tra, phân tích và phỏng vấn, tham vấn người dân, nhìn chung, việc triển khai thực hiện dự án được cho rằng sẽ đĐTTS lại nhiều tác động tích cực đối với cộng đồng dân cư trong vùng dự án, trong đó có lợi ích của cộng đồng dân tộc thiểu số, cụ thể như sau:

- **Giảm thời gian hành chính và tăng hiệu quả cho người sử dụng đất:** việc thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng internet sẽ tăng cường tính minh bạch về thông tin trong việc kê khai, thực hiện các thủ tục của người dân, tiết kiệm thời gian và tính hiệu quả trong việc tiếp cận với các cơ quan và công chức nhà nước. Dựa vào các hoạt động cải cách hành chính, chi phí đi lại và giấy tờ, cùng với các vấn đề về quan liêu và sự phiền nhiễu sẽ được giảm thiểu.

- **Cải thiện môi trường kinh doanh:** với sự minh bạch về thông tin đất đai và việc tra cứu thông tin một cách thuận tiện, nhà đầu tư có thể thu được các thông tin mà họ cần để phục vụ cho lô đất mà họ nhắm tới (tình trạng của lô đất, yêu cầu và các thủ tục của hợp đồng mà không cần phải đến vị trí lô đất).

- **Cải thiện thủ tục hành chính cho các dịch vụ công cộng và người sử dụng đất hộ gia đình:** Dựa vào việc chia sẻ về thông tin đất đai giữa các dịch vụ công liên quan, như phòng công chứng, cơ quan thực thi pháp luật và cơ quan thuế cho thấy sự cải thiện đáng kể trong đẩy nhanh sự phối hợp trong giải quyết công cho người sử dụng đất. Đặc biệt, sự liên kết giữa các phòng công chứng với nhau sẽ tránh được việc sự chồng chéo trong dịch vụ công chứng như là công chứng viên có thể kiểm tra được lô đất đó có được công chứng tại một nơi khác hay không trước khi họ tiến hành các dịch vụ công chứng. Điều này cũng sẽ dẫn đến việc giảm chi phí của quá trình kiểm tra và xác minh hồ sơ vì hồ sơ đó đã có sẵn trên hệ thống MPLIS. Những đối tượng sử dụng là hộ gia đình, cá nhân có thể hưởng lợi từ việc liên kết giữa các Phòng công chứng vì có thể giảm thiểu rủi ro và chi phí liên quan. Họ có thể kiểm tra về việc lô đất của họ có nằm trong khu vực dự án, hay quy hoạch cho vùng phát triển mới hoặc trong một cuộc tranh chấp nào đó. Điều này sẽ làm giảm tối thiểu các rủi ro trong giao dịch về đất.

Tác động tiêu cực

Dự án sẽ đặt trọng tâm vào việc cải thiện khung pháp lý, xây dựng và điều hành MPLIS trên cơ sở dữ liệu về đất đai hiện có để quản lý đất tốt hơn và phát triển kinh tế - xã hội. Dự án không đề xuất xây dựng bất kỳ công trình dân dụng nào, do đó sẽ không có thu hồi đất. Sẽ không có bất kì tác động nào gây ra hạn chế cho việc khai thác các tài nguyên thiên nhiên và ngược lại, do đó, tác động tiêu cực khi triển khai dự án hầu như không có. Tuy nhiên, sẽ phát sinh các vấn đề thực tiễn cần giải quyết khi các thông tin liên quan đến người sử dụng đất rõ ràng, cụ thể và minh bạch hơn như: tranh chấp đất đai; quyền và lợi ích hợp pháp của từng chủ thể sử dụng đất khi có sự so sánh... Việc giải quyết những tác động tiêu cực sẽ được thể hiện trong các hoạt động cụ thể tại bản Kế hoạch này để đảm bảo việc tổ chức thực hiện.

2.4. Khung chính sách và cơ sở pháp lý

2.4.1. Quy định pháp lý hiện hành của Việt Nam đối với các nhóm dân tộc thiểu số

Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn xác định vấn đề dân tộc, công tác dân tộc luôn có vị trí chiến lược quan trọng. Tất cả người dân tộc ở Việt Nam đều có đầy đủ quyền công dân và được bảo vệ bằng các điều khoản công bằng theo Hiến pháp và pháp luật. Chủ trương, chính sách cơ bản đó là "Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển", trong đó vấn đề ưu tiên là "đảm bảo phát triển bền vững vùng DTTS và miền núi".

Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 đã ghi nhận quyền bình đẳng giữa các dân tộc ở Việt Nam (Điều 5) như sau:

“1. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam.

2. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc.

3. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình.

4. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các DTTS phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước.”

Hiến pháp sửa đổi qua các năm từ 1946, 1959, 1980, 1992 và đến năm 2013 đều quy định rõ “Tất cả các dân tộc là bình đẳng, thống nhất, tôn trọng và giúp đỡ nhau để cùng phát triển; tất cả các hành vi phân biệt đối xử, phân biệt dân tộc; DTTS có quyền sử dụng tiếng nói và chữ viết, duy trì bản sắc của dân tộc, và duy trì phong tục, nguyên tắc và truyền thống của họ. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện thuận lợi cho người DTTS phát huy sức mạnh nội lực để bắt kịp với sự phát triển của quốc gia”.

Các vấn đề về đất đai là bản chất chính trị và có thể gây tác động tới sự phát triển kinh tế - xã hội của rất nhiều quốc gia, đặc biệt là những nước đang phát triển. Chính sách đất đai có tác động rất lớn đối với sự phát triển bền vững và cơ hội về phát triển kinh tế - xã hội cho mọi người cả ở khu vực nông thôn và thành thị, đặc biệt là những người nghèo.

Tại Điều 53, Hiến pháp và Điều 4, Luật đất đai 2013 đã nêu rõ về vấn đề sở hữu đất như sau: “Đất đai thuộc sở hữu của toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất theo quy định của Luật này”. Theo quy định này thì đất đai là thuộc sở hữu của toàn dân, nhà nước đóng vai trò là đại diện chủ sở hữu để quản lý và Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho các đối tượng sử dụng đất (người sử dụng đất) với các hình thức giao đất, cho thuê đất và công nhận quyền sử dụng đất theo các quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 27, Luật Đất đai năm 2013 quy định: Nhà nước có chính sách về đất ở, đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào DTTS phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của từng vùng; có chính sách tạo điều kiện cho đồng bào DTTS trực tiếp sản xuất nông nghiệp ở nông thôn có đất để sản xuất nông nghiệp.

Điều 28, Luật Đất đai năm 2013 quy định: Nhà nước có trách nhiệm xây dựng, quản lý hệ thống thông tin đất đai và bảo đảm quyền tiếp cận của tổ chức, cá nhân đối với hệ thống thông tin đất đai; thực hiện công bố kịp thời, công khai thông tin cho các tổ chức, cá nhân; cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong quản lý, sử dụng đất đai có trách nhiệm tạo điều kiện, cung cấp thông tin về đất đai cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

Điều 43, Luật đất đai 2013 về “Lấy ý kiến về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất” quy định: Cơ quan nhà nước lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất như được quy định tại khoản 1 và 2 của điều 42 của Luật này sẽ có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến đóng góp của nhân dân về quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất”. Việc lấy ý kiến của người dân sẽ được diễn ra thông qua công khai thông tin về nội dung của quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, qua các hội nghị và tham vấn trực tiếp.

Điều 110, Luật Đất đai năm 2013 quy định miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với trường hợp sử dụng đất để thực hiện chính sách nhà ở, đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân là DTTS ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hải đảo; sử dụng đất sản xuất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân là dân tộc thiểu số.

Theo quy định của Luật Đất đai, cộng đồng dân cư gồm cộng đồng người Việt Nam sinh sống trên cùng địa bàn thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố và điểm dân cư tương tự có cùng phong tục, tập quán hoặc có chung dòng họ. Cộng đồng dân cư đang sử dụng đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ; đất nông nghiệp quy định tại Khoản 3, Điều 131, Luật Đất đai và đất đó không có tranh chấp, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận là đất sử dụng chung cho cộng đồng thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Điều 100) và được Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất để bảo tồn bản sắc dân tộc gắn với phong tục, tập quán của các dân tộc (Điều 131), đồng thời việc giao đất, cho thuê đất phải ưu tiên hộ gia đình, cá nhân là DTTS không có đất hoặc thiếu đất sản xuất ở địa phương (Điều 133).

Nhà nước yêu cầu áp dụng chính sách kinh tế - xã hội cho từng vùng và từng dân tộc, có tính đến nhu cầu cụ thể của các nhóm DTTS. Kế hoạch và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam chú trọng tới DTTS. Một vài chương trình chính của DTTS, như Chương trình 135 (xây dựng cơ sở hạ tầng cho khu vực nghèo, vùng xa và sâu) và Chương trình 134 (xóa nhà tạm).

2.4.2. Sự thống nhất với chính sách hoạt động của Ngân hàng thế giới về người bản địa

Chính sách hoạt động 4.10 (cập nhật năm 2013) của Ngân hàng Thế giới (WB) yêu cầu Bên đi vay thực hiện một quá trình tham vấn tự do, được thông báo trước và được thực hiện trước khi tiến hành dự án với người dân bản địa khi người dân bản địa bị ảnh hưởng bởi dự án. Mục đích của việc tham vấn này là nhằm tránh hoặc giảm đến mức tối thiểu những tác động xấu của dự án đến người DTTS và để đảm bảo các hoạt động của dự án phù hợp với văn hóa và phong tục của địa phương. Khuyến khích việc ra quyết định của địa phương và sự tham gia của cộng đồng trong khuôn khổ quy định pháp luật của Việt Nam về phân cấp và về đất đai phù hợp với chính sách của Ngân hàng thế giới.

Chính sách an toàn của Ngân hàng thế giới chỉ rõ người dân bản địa là nhóm (a) tự xác định là những thành viên của nhóm văn hóa bản địa riêng biệt và điều đó được những nhóm khác công nhận; (b) cùng chung môi trường sống riêng biệt về mặt địa lý hoặc cùng lãnh thổ của tổ tiên trong khu vực dự án và cùng chung nguồn tài nguyên thiên nhiên trong những môi trường và lãnh thổ này; (c) thể chế về văn hóa theo phong tục tập quán riêng biệt so với xã hội và văn hóa chủ đạo; và (d) một ngôn ngữ bản địa, thường là khác với ngôn ngữ chính thức của đất nước hoặc của vùng.

Trong phạm vi triển khai dự án VILG, các nhóm dân tộc thiểu số tại các địa bàn triển khai dự án có khả năng nhận được lợi ích lâu dài từ việc được truyền thông để nhận thức được các quy định của pháp luật cho đến việc được tiếp cận với các thông tin đất đai và các dịch vụ đất đai. Việc xây dựng kế hoạch phát triển DTTS (DTTSDP) là hành động để giảm thiểu các tác động tiềm tàng có thể xảy ra trong quá trình triển khai các hoạt động của dự án. Đảm bảo công cuộc giảm nghèo và phát triển bền vững, đồng thời, tôn trọng đầy đủ nhân phẩm, quyền con người, giá trị kinh tế và bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số.

III. KẾT QUẢ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

3.1. Kết quả các phát hiện chính từ tham vấn về xã hội

Sở Tài nguyên và Môi trường Lào Cai đã phối hợp với các huyện vùng sâu, vùng xa trong khu vực dự án tổ chức tham vấn người đồng bào DTTS tại 03 xã/03 huyện (xã Na Hối, huyện Bắc Hà; xã Hầu Thào, huyện Sa Pa và xã Dương Quỳ, huyện Văn Bàn). *Thông tin chi tiết về các đối tượng được tham vấn xem tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2*

PPMU đã thực hiện tham vấn với các đối tượng: (1) làm công tác quản lý như cán bộ các Sở, ngành, phòng tài nguyên và môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Công chức địa chính xã,... (2) Các doanh nghiệp, tổ chức sử dụng đất; và (3) Cộng đồng DTTS với tổng số lượng Phiếu tham vấn là 50 phiếu. Kết quả tổng hợp nội dung từ các Phiếu tham vấn cụ thể như sau:

Đơn vị tính: (%)

STT	Nội dung tham vấn	Cán bộ quản lý			Tổ chức			Đồng bào DTTS		
		Tốt	Trung bình	Kém	Tốt	Trung bình	Kém	Tốt	Trung bình	Kém
1	Cung cấp các thông tin đất đai của các cơ quan đăng ký đất đai cho người sử dụng đất	90	7	3	85	10	1	100		
2	Kỹ năng ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin	100			80	20		20	50	25
3	Giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai của các cơ quan đăng ký đất đai	90	10		90	10		80	20	
4	Giải quyết khiếu nại về đất đai	90	10		90	10		85	15	
5	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến để nâng cao nhận thức cộng đồng	90	10		90	5	5	90	10	

Ghi chú: Kết quả được lấy trên cơ sở đa số phiếu đã tổng hợp

Trên cơ sở đó khi PPMU giới thiệu về Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, những mục tiêu cụ thể của dự án thì hầu hết các đối tượng được tham vấn đều bày tỏ sự đồng tình với Dự án và mong muốn dự án được triển khai sớm để họ được dễ dàng có được các thông tin đất đai cần thiết.

Để giảm thiểu những tác động không mong muốn của dự án về dân tộc thiểu số, hầu hết những người được hỏi đồng ý đề xuất các biện pháp sau đây:

- Tăng cường công tác cung cấp thông tin về đất đai cho các đối tượng sử dụng đất theo nhiều loại hình (bao gồm cả dịch vụ công) nhằm hạn chế các khiếu nại có liên quan đến đất đai của người dân và doanh nghiệp.

- Tập trung, tuyên truyền, phổ biến đối để nâng cao nhận thức đối với những đối tượng DTTS, người nghèo với nhiều hình thức khác nhau phù hợp với từng đối tượng, phong tục tập quán;

- Tập huấn kỹ năng sử dụng máy tính cho cán bộ thôn và người dân.

3.2. Khung tham vấn và phương pháp tham vấn cộng đồng

PPMU sẽ thiết lập một khung tham vấn bao gồm các vấn đề về giới và liên thế hệ để cung cấp cơ hội tư vấn và sự tham gia của cộng đồng DTTS, tổ chức DTTS và các tổ chức dân sự khác trong các hoạt động của dự án trong quá trình thực hiện dự án. Khung tham vấn sẽ làm rõ (i) mục tiêu tham vấn, (ii) nội dung tham vấn; (iii) phương pháp tham vấn; và (iv) thông tin phản hồi. Dựa trên khung

tham vấn, một kế hoạch tham vấn sẽ được xây dựng và triển khai như sau: (i) Mục tiêu tham vấn và thông tin cơ bản cần có từ họ; (ii) xác định các vấn đề cần thiết cho tham vấn; (iii) lựa chọn các phương pháp tham vấn phù hợp với mục tiêu tham vấn và văn hóa của các nhóm DTTS; (iv) chọn địa điểm và thời gian để tham vấn phù hợp với văn hóa và tập quán của các nhóm DTTS; (v) ngân sách để thực hiện; (vi) thực hiện tư vấn; và (vi) sử dụng kết quả tham vấn và trả lời.

Một số phương pháp tham vấn phổ biến và hiệu quả là (i) họp cộng đồng hoặc thảo luận nhóm (ii) phỏng vấn với các nhà cung cấp thông tin quan trọng hoặc phỏng vấn sâu; (iii) sử dụng bảng câu hỏi có cấu trúc; (iv) Triển lãm và trình diễn di động. Các phương pháp và ngôn ngữ được chọn sẽ phù hợp với văn hóa và thực tiễn của cộng đồng DTTS. Ngoài ra, thời gian thích hợp sẽ được phân bổ để có được sự hỗ trợ rộng rãi từ những người liên quan.

Các thông tin liên quan đến dự án có liên quan, đầy đủ và có sẵn (bao gồm các tác động tiêu cực và tiềm năng) cần được cung cấp cho người DTTS theo những cách phù hợp nhất về mặt văn hóa trong quá trình thực hiện dự án.

IV. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG

Dựa trên kết quả tham vấn và đánh giá, một kế hoạch hành động bao gồm các hoạt động sau đây được đề xuất để đảm bảo rằng người DTTS nhận được lợi ích kinh tế xã hội tối đa của dự án theo cách phù hợp với văn hóa, bao gồm đào tạo để nâng cao năng lực của các cơ quan thực hiện dự án.

- Hoạt động 1: Thiết lập nhóm tư vấn cộng đồng cấp tỉnh, nhóm tham gia cộng đồng cấp huyện

Để xây dựng một kênh phổ biến thông tin và tiếp nhận ý kiến phản hồi của người sử dụng đất, đặc biệt là cộng đồng DTTS, một nhóm tư vấn cộng đồng cấp huyện cần được thành lập. Thành phần của nhóm bao gồm đại diện của Ban DTTS, Phòng quản lý và đăng ký đất đai, Mặt trận tổ quốc, Hội phụ nữ, cán bộ Ban QLDA tỉnh, lãnh đạo xã, cán bộ địa chính xã, Mặt trận tổ quốc xã, Hội phụ nữ xã. UBND tỉnh Lào Cai ra quyết định thành lập nhóm và quy định cơ chế hoạt động của nhóm. Nhiệm vụ chính của nhóm là phổ biến thông tin về dự án và thực hiện các cuộc tham vấn với cộng đồng DTTS về các hoạt động của dự án nhằm thu thập thông tin và ý kiến phản hồi của cộng đồng DTTS về các vấn đề chính sau đây để cung cấp kịp thời cho Ban QLDA và các cơ quan thực hiện dự án cũng như cộng đồng DTTS:

- Nhu cầu về thông tin đất đai của cộng đồng DTTS ở địa phương;
- Các yếu tố văn hóa và phong tục tập quán của cộng đồng DTTS cần được quan tâm trong quá trình thực hiện các hoạt động của dự án;
- Phong tục truyền thống về sử dụng đất đai của cộng đồng DTTS cần được quan tâm xem xét trong quá trình xử lý cũng như cung cấp thông tin về đất đai;

- Những trở ngại trong việc phổ biến thông tin, tham vấn và tham gia của cộng đồng DTTS trong quá trình thực hiện dự án và sử dụng các thành quả của dự án;
- Đề xuất các giải pháp khắc phục các trở ngại nhằm đảm bảo sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng DTTS đối với dự án và sử dụng các thành quả của dự án một cách hiệu quả và bền vững;
- Tiếp nhận các khiếu nại và làm việc với các cơ quan liên quan để giải quyết các khiếu nại và phản hồi kết quả giải quyết khiếu nại của người dân một cách kịp thời.

Trong quá trình thực hiện dự án, Ban QLDA và các đơn vị liên quan cần tham vấn thường xuyên với nhóm này.

Các phương pháp tham vấn có thể được sử dụng phù hợp với đặc điểm văn hóa của các DTTS là họp cộng đồng, thảo luận nhóm mục tiêu (nhóm phụ nữ, nhóm dễ bị tổn thương), phỏng vấn sâu những người cung cấp thông tin chủ chốt (già làng, trưởng thôn bản, cán bộ quản lý đất đai, đại diện các nhà cung cấp dịch có liên quan), trình diễn mô hình. Các phương pháp này cần bao gồm các yếu tố về giới và liên thế hệ, tự nguyện, và không có sự can thiệp.

Tham vấn cần được thực hiện hai chiều, tức là cả thông báo và thảo luận cũng như lắng nghe và trả lời thắc mắc. Tất cả các cuộc tham vấn cần được tiến hành một cách thiện chí, tự do, không hăm dọa hay ép buộc, tức là không có sự hiện diện của những người có thể ảnh hưởng đến người trả lời, cung cấp đầy đủ thông tin hiện có cho những người được tham vấn nhận được sự đồng thuận rộng rãi của cộng đồng DTTS đối với các hoạt động của dự án. Phương pháp tiếp cận toàn diện và đảm bảo bao gồm yếu tố về giới, phù hợp với nhu cầu của các nhóm bị thiệt thòi và dễ bị tổn thương, đảm bảo các ý kiến có liên quan của những người bị ảnh hưởng, các bên liên quan khác được cân nhắc trong quá trình ra quyết định. Đặc biệt, người sử dụng đất là người DTTS sẽ được cung cấp các thông tin có liên quan về dự án càng nhiều càng tốt, một cách phù hợp về văn hóa trong thực hiện dự án, theo dõi và đánh giá để thúc đẩy sự tham gia và hòa nhập. Thông tin có thể bao gồm nhưng không giới hạn về các nội dung như khái niệm dự án, thiết kế, đề xuất, biện pháp bảo vệ, thực hiện, theo dõi và đánh giá.

Tất cả các thông tin có liên quan cần lấy ý kiến cộng đồng DTTS sẽ được cung cấp thông qua hai kênh. Thứ nhất, thông tin sẽ được phổ biến cho các trưởng thôn/bản tại cuộc họp hàng tháng của họ với lãnh đạo của Ủy ban nhân dân xã hoặc Nhóm tham vấn để được chuyển tiếp cho người dân trong các cuộc họp thôn một cách phù hợp với văn hóa và ngôn ngữ của các nhóm DTTS. Thứ hai, thông báo bằng tiếng Việt và bằng ngôn ngữ của người DTTS (nếu cần) sẽ được công khai tại Ủy ban nhân dân cấp xã ít nhất một tuần trước cuộc tham vấn. Việc thông báo sớm như vậy đảm bảo người dân có đủ thời gian để hiểu, đánh giá và phân tích thông tin về các hoạt động được đề xuất.

Ngoài ra, các hoạt động của dự án cần thu hút sự tham gia tích cực và sự hướng dẫn (chính thức và không chính thức) của các cán bộ địa phương như

trường thôn, các thành viên của các nhóm hòa giải ở cấp thôn, bản, ấp... Ban giám sát cộng đồng ở cấp xã cần giám sát chặt chẽ việc tham gia của các tổ chức địa phương và cán bộ trong các hoạt động khác nhau của dự án VILG. Thông tin đầu vào được sử dụng để theo dõi và đánh giá có thể bao gồm khả năng truy cập của người DTTS vào hệ thống thông tin đất đai được thiết lập trong khuôn khổ dự án, lợi ích từ các thông tin nhận được... Bằng cách cho phép sự tham gia của các bên liên quan thuộc nhóm DTTS trong quá trình lập kế hoạch dự án, thực hiện, giám sát và đánh giá, dự án có thể đảm bảo rằng người dân tộc thiểu số nhận được các lợi ích xã hội và kinh tế từ dự án một cách phù hợp với văn hóa của họ. Với sự tham gia của cộng đồng DTTS, các thông tin đất đai do VILG thiết lập sẽ góp phần tăng thêm sự minh bạch và hiệu quả, đạt được các mục tiêu của dự án đối với các nhóm DTTS. Cần xây dựng năng lực cho các bên liên quan, đặc biệt là Nhóm tham vấn để tránh những hạn chế đang tồn tại trong việc thực hiện tham vấn cộng đồng địa phương, chẳng hạn như tham vấn một chiều, không cung cấp đủ thông tin; vội vàng; và có sự ép buộc.

- Hoạt động 2: Sử dụng các công cụ truyền thông hiện đại

- Chiến lược truyền thông:

Một chiến lược truyền thông thích hợp cần được thiết lập và thực hiện để thúc đẩy nhu cầu sử dụng thông tin đất đai của người dân nói chung và người DTTS cũng như nhóm dễ bị tổn thương nói riêng, đồng thời thể hiện sự cam kết mạnh mẽ hơn từ các chính quyền địa phương trong việc giải quyết những hạn chế về cung cấp các dịch vụ thông tin đất đai một cách đầy đủ. Chiến lược truyền thông và Sơ tay thực hiện của dự án VILG cần xem xét nội dung, các yêu cầu của người dân đã được phản ánh trong các cuộc tham vấn cộng đồng địa phương để tránh bỏ qua nhóm dễ bị tổn thương và lợi ích của họ trong dự án. Chiến lược truyền thông cần tạo ra một môi trường đối thoại hai chiều, nghĩa là nó không chỉ là kênh thông tin của dự án đến với cộng đồng, mà còn lắng nghe, phản hồi và đáp ứng các mối quan tâm của cộng đồng. Vì vậy, điều quan trọng là phải thiết kế và thực hiện một chiến lược truyền thông toàn diện để hỗ trợ dự án. Dự thảo chiến lược truyền thông nên tập trung vào các vấn đề sau đây:

- Với bên cung cấp dịch vụ:

- ✓ Cách thức có được và nâng cao sự cam kết của chính quyền và những cán bộ thực hiện tại trung ương cũng như địa phương đối với việc cải cách hệ thống thông tin đất đai hiện nay. Đây là một quá trình vận động xã hội để xây dựng lòng tin của những người sử dụng đất. Kết quả của quá trình này, các cơ quan quản lý đất đai cần tạo ra một môi trường thuận lợi với sự hỗ trợ của VILG; đảm bảo sự tham gia thường xuyên của người sử dụng đất thông qua việc đưa ra các câu hỏi và mối quan tâm của họ về quyền lợi của mình về sử dụng đất cũng như tiếp cận với các thông tin đất đai; cung cấp các thông tin đất đai đáng tin cậy tại địa phương. Ngoài ra, các cán bộ địa phương cần nâng cao kỹ năng giao tiếp; biết cách tạo thuận lợi và tạo diễn

đàn cho sự tham gia của cộng đồng trong việc phản hồi trong quá trình thực hiện dự án VILG.

- ✓ Cách thức xây dựng nền tảng cho sự tham gia của cộng đồng trong việc thảo luận và đối thoại với các cán bộ quản lý đất đai về các vấn đề khác nhau, bao gồm cả mối quan tâm và yêu cầu hiểu biết về quyền sử dụng đất của họ, cũng như kết quả về thông tin đất đai mà người dân có được từ hệ thống thông tin của dự án;
- ✓ Cách thức xây dựng nền tảng truyền thông ở các cấp độ khác nhau (ví dụ phiếu báo cáo của người dân, các cuộc họp thôn ...) để nhận được các thông tin phản hồi về hoạt động của bên cung cấp và khả năng của các bên này để đối phó với sự gia tăng nhu cầu đối với dịch vụ thông tin đất đai, đây cũng là một kết quả của dự án VILG. Các thủ tục về cơ chế phản hồi này cần phải rõ ràng và minh bạch, đặc biệt là đối với nhóm dễ bị tổn thương. Ví dụ như các việc liên quan đến các kênh tiếp nhận thông tin phản hồi và những bên liên quan phải chịu trách nhiệm giải quyết các ý kiến phản hồi và khoảng thời gian xử lý. Hướng dẫn kịp thời và đáp ứng những quan tâm và kiến nghị người sử dụng đất phải được cung cấp thông qua các nền tảng chiến lược truyền thông và quá trình theo dõi.

- Với bên cầu:

- ✓ Làm thế nào để nâng cao nhu cầu và sau đó duy trì cách thức sử dụng dịch vụ thông tin đất đai, đặc biệt là nhóm dễ bị tổn thương.
- ✓ Làm thế nào để tạo ra sự thay đổi trong hành vi giao tiếp, đặc biệt là giữa các nhóm dân tộc thiểu số khác nhau trong địa bàn dự án. Chiến lược truyền thông và tài liệu nên được thiết kế có tính đến sự khác biệt văn hoá trong hành vi giữa các nhóm người dân tộc khác nhau và thay đổi phù hợp với các hành vi này.
- ✓ Làm thế nào để điều chỉnh các hoạt động và các buổi tuyên truyền tại địa phương về thông tin đất đai trong chiến dịch truyền thông để giải quyết các nhu cầu cụ thể của các nhóm dân tộc thiểu số khác nhau về ngôn ngữ và văn hoá có liên quan. Chiến lược nên bao gồm sự khác nhau về phổ biến thông tin giữa các nhóm dân tộc khác nhau và tận dụng cấu trúc, cơ chế truyền thông đáng tin cậy và các tổ chức chính thức và không chính thức của người dân tộc thiểu số thuộc khu vực dự án để phổ biến, cho phép hỗ trợ và tư vấn cho những người dân tộc thiểu số về sử dụng đất, bằng ngôn ngữ của họ và theo cách phù hợp với văn hoá của họ. Các cán bộ địa phương sẽ được khuyến khích tích cực hỗ trợ nhóm khó tiếp cận.
- ✓ Có cơ chế giải quyết các vướng mắc, rào cản và những khó khăn gây ra bởi tập quán và tín ngưỡng văn hoá của người DTTS và trả lời những thắc mắc của các bên liên quan.

- *Truyền thông tiếp cận cộng đồng:*

Các tài liệu truyền thông phù hợp để phổ biến: xây dựng và phổ biến một bộ trọn gói các tài liệu in ấn và nghe nhìn (tập tài liệu, tờ rơi, áp phích, phim tài liệu ngắn, chương trình đào tạo, quảng cáo trên tivi, radio... với các biểu tượng có liên quan, các thông điệp và các khẩu hiệu) cho các nhóm mục tiêu của chiến lược truyền thông, điều này là cần thiết để đảm bảo các thông điệp và kiến thức chính sẽ được chuyển giao cho các bên liên quan của dự án VILG, bao gồm các nhóm dễ bị tổn thương. Công việc này sẽ góp phần nâng cao nhận thức cho người sử dụng đất, thay đổi thái độ và hành vi của họ trong việc tìm kiếm thông tin đất đai và về lâu dài góp phần thay đổi và duy trì các hành vi được khuyến khích theo dự án. Các thiết kế của tài liệu nên phù hợp (về mặt xã hội và văn hoá đều được chấp nhận) cho các nhóm đối tượng dựa trên tiêu chuẩn về xây dựng tài liệu truyền thông (rõ ràng, súc tích, trình bày đẹp và đầy đủ các nội dung...). Tài liệu cần phải được xây dựng một cách cẩn thận để phổ biến thông tin một cách hiệu quả cho các gia đình trí thức, các gia đình lao động và gia đình dân tộc mà tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai, do đó cần sử dụng ngôn ngữ phi kỹ thuật cộng với các hình vẽ minh họa ở những chỗ có thể là rất quan trọng. Những tài liệu này nên được thử nghiệm với một số cộng đồng được lựa chọn tại một số tỉnh của dự án để đánh giá tính toàn diện và hiệu quả nhất có thể. Cuối cùng nhưng cũng không kém quan trọng là phải tiến hành định hướng, đào tạo cho các bên liên quan như đã được xác định trong chiến lược truyền thông về cách sử dụng các tài liệu truyền thông một cách hiệu quả.

Chiến dịch truyền thông: Các chiến dịch truyền thông đại chúng cũng có thể thích hợp để phổ biến thông tin một chiều. Trọng tâm của chiến dịch nên chủ yếu tập trung vào thông tin ở các khu vực cụ thể, mà có thể được phát sóng trên đài truyền hình và đài phát thanh địa phương. Việc sử dụng các loa phóng thanh xã có thể là một phương tiện hiệu quả để truyền đạt được đến một số lượng lớn người dân với một chi phí tương đối thấp, nhưng cũng phải nhận thấy rằng thông tin truyền thông qua các phương tiện này không phải lúc nào cũng lưu lại và không thể được sử dụng trong các khu vực nơi người dân sống một cách rải rác. Một cách thích hợp, sử dụng một số các đoạn hát, tiểu phẩm hay các khẩu hiệu dễ nhớ có thể giải quyết được vấn đề này ở một mức độ nào đó. Cung cấp thông tin công khai về bản đồ, quy hoạch và thủ tục (theo cách thức dễ tiếp cận) ở cả cấp huyện và cấp xã cũng có thể hữu ích. Trước khi triển khai MPLIS, các chiến dịch truyền thông cần được triển khai với nội dung về lợi ích cơ bản và kiến thức về việc làm thế nào để truy cập và sử dụng thông tin đất đai của MPLIS và các loại lệ phí liên quan (nếu có). Những chiến dịch này nên được thực hiện thông qua các cuộc họp, phương tiện truyền thông đại chúng và phổ biến tài liệu IEC được in ấn hoặc tài liệu nghe nhìn, tùy thuộc vào bối cảnh xã hội của địa phương cụ thể.

Sự tham gia của các đầu mối thông tin địa phương: Chính quyền địa phương được khuyến khích tham gia và phát huy vai trò của cán bộ thôn, đặc biệt là những người từ các tổ chức đoàn thể cộng đồng, công đoàn. Đầu mối thông tin liên lạc nên là trưởng thôn/bản, vì nhiều nghiên cứu đã cho thấy vai trò của họ rất

quan trọng và hiệu quả trong thực hiện truyền thông. Các cá nhân và tổ chức này chủ yếu là người dân tộc thiểu số đang sinh sống trong khu vực; do vậy, họ sẽ rất tích cực trong việc truyền, phổ biến chính sách, chương trình đến người dân địa phương có liên quan. Mỗi địa phương sẽ quyết định về các đầu mối thông tin liên quan và hiệu quả nhất phù hợp với bối cảnh hiện tại của địa phương mình.

Tư vấn: Đánh giá chỉ ra rằng nhiều người trả lời không biết về pháp luật đất đai và làm thế nào áp dụng được nó trong thực tế (giải thích pháp luật). Vì vậy, có thể cần thiết phải có tư vấn hỗ trợ song song với MPLIS trong một số cộng đồng.

Thường xuyên tổ chức các cuộc họp địa phương: các cuộc họp tại phường, xã thường xuyên bao gồm cả các phiên chất vấn và trả lời định kỳ có thể là một trong những cách làm hiệu quả nhất để hỗ trợ các cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động dự án, nhận và phản hồi ý kiến của họ. Tại các khu vực đô thị, điều này cũng sẽ cung cấp cho người dân có cơ hội để tham gia chặt chẽ hơn với các cán bộ quản lý đất đai của địa phương so với hiện tại. Tuy nhiên, thông tin cho người nghèo cần được cung cấp thông qua việc đến thăm nhà của họ hoặc một cuộc họp với người nghèo vì họ thường không tham dự các cuộc họp phổ biến.

Công cụ hiện đại: Ban quản lý dự án tỉnh sẽ biên soạn nội dung truyền thông và sử dụng công cụ truyền thông nghe nhìn dễ hiểu như đĩa DVD với phần tiếng Việt và một số nội dung dự án VILG dịch sang tiếng các DTTS (nếu phù hợp) sẽ được chuẩn bị để sử dụng trong quá trình hoạt động tại địa phương dựa trên các đề xuất của nhóm tham gia cộng đồng cấp huyện. Cách tiếp cận và sử dụng MPLIS và các dịch vụ của văn phòng đăng ký đất là một số nội dung được giới thiệu trong công cụ truyền thông này. Công cụ truyền thông này sẽ được lưu giữ tại các trung tâm văn hóa và UBND xã để có thể dùng diễn giải về Dự án VILG và việc quản lý/tiếp cận thông tin đất đai.

Thiết bị hiện đại: Ban quản lý dự án tỉnh có thể xem xét trang bị máy tính tại xã, áp để người DTTS có thể truy cập thông tin dễ dàng, thuận tiện (cần có đào tạo và hướng dẫn). Ban quản lý dự án tỉnh tăng cường tiếp cận và chia sẻ thông tin đất đai cho người DTTS.

- Hoạt động 3: Đào tạo cho các trưởng thôn, bản, ấp, già làng, người có uy tín trong cộng đồng

Nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng thuyết trình để tuyên truyền, vận dụng sáng tạo kiến thức, kỹ năng điều hành, xử lý các công việc phát sinh trong cộng đồng DTTS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của các Trưởng thôn, bản, ấp... vận động các hộ đồng bào DTTS tích cực tham gia, hưởng ứng thực hiện hiệu quả mục tiêu của dự án, Ban QLDA cấp tỉnh phối hợp với Ban QLDA cấp TW tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn cho các đối tượng là Trưởng thôn, bản, ấp, già làng, người có uy tín,... để họ có thể hỗ trợ trong suốt quá trình thực hiện Dự án. Các khóa đào tạo, tập huấn cần được thực hiện càng sớm càng tốt và trong suốt quá trình dự án.

- Hoạt động 4: Tổ chức họp dân ở các thôn, bản, ấp... và các xã.

Tại các ấp, xã có đông đồng bào DTTS, Ban quản lý dự án tỉnh, Nhóm tham vấn cộng đồng cấp huyện sẽ tổ chức nhiều cuộc họp ở từng xã, ấp với người DTTS tại địa phương để trả lời các câu hỏi và mối quan tâm của họ (có phiên dịch sang tiếng dân tộc (nếu cần)). Các hoạt động này sẽ được bắt đầu trước khi triển khai dự án và sẽ được duy trì trong suốt chu trình dự án.

Trong các cuộc họp với người DTTS này, các kênh và cách truy cập các thông tin, tài liệu về đất đai, các chính sách ưu đãi các chính sách phản hồi thông tin cũng sẽ được giới thiệu.

Ban quản lý dự án tỉnh kết hợp với cơ quan truyền thông đại chúng (đài phát thanh, truyền hình, báo địa phương) tuyên truyền, phổ biến các thông tin này trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh và các địa phương.

Tài liệu để phục vụ cho các cuộc họp dân, tham vấn lấy ý kiến ở cấp xã do Văn phòng Ban quản lý dự án tỉnh cung cấp trên cơ sở sử dụng các mẫu, các văn bản pháp luật hoặc những tài liệu tuyên truyền do Ban quản lý dự án cấp Trung ương biên soạn. Tất cả các tài liệu thông tin được thực hiện một cách đơn giản, thông điệp và hình ảnh rõ ràng. Trong điều kiện kinh phí dự án cho phép, một số nội dung quan trọng sẽ được biên dịch sang ngôn ngữ dân tộc thiểu số (nếu cần) để phổ biến trong cộng đồng người dân tộc tại địa phương.

- Hoạt động 5: Đào tạo cán bộ quản lý đất đai.

Nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm và kỹ năng của các cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về đất đai tại các địa phương (Văn phòng đăng ký đất đai), đảm bảo việc giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai khi đồng bào DTTS có nhu cầu cần thực hiện.

Tổ chức Hội thảo định hướng cho các cán bộ quản lý đất đai trong việc tiếp cận với người dân tộc thiểu số. Trong đó, đặc biệt quan tâm đến: (1) nhu cầu đặc biệt của cộng đồng DTTS, và (2) tầm quan trọng về vai trò, trách nhiệm của các cán bộ thực thi công vụ trong chiến lược, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội khu vực DTTS. Nâng cao chất lượng phục vụ của các cán bộ làm công tác trong việc cung cấp dịch vụ thông tin về đất và thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai.

- Hoạt động 6: Thiết lập dịch vụ hỗ trợ tiếp cận thông tin đất đai và đăng ký đất đai ở các cộng đồng nơi có các nhóm dân tộc thiểu số sinh sống.

Các chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai sẽ thực hiện dịch vụ hỗ trợ tiếp cận thông tin đất đai và đăng ký đất đai cho các nhóm dân tộc thiểu số tại các vùng sâu, xa thông qua hình thức cử cán bộ làm việc định kỳ trực tiếp tại UBND xã những nơi này, đồng thời tập huấn cán bộ cấp xã thực hiện việc tra cứu, hỗ trợ tiếp nhận và sử dụng hệ thống thông tin đất đai qua mạng Internet để cung cấp thông tin đất đai cho các nhóm dân tộc thiểu số và xác nhận các hợp đồng giao dịch về đất đai.

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai sẽ tham vấn với chính quyền xã, ấp và nhóm tham gia cộng đồng cấp xã để xây dựng kế hoạch, lịch làm việc trực tiếp

định kỳ phù hợp với điều kiện của đồng bào dân tộc tại địa phương. Chính quyền xã, thôn sẽ thông báo rộng rãi các kế hoạch và lịch làm việc này để mọi người dân được biết và sử dụng dịch vụ khi có nhu cầu.

Dự án sẽ thúc đẩy hoạt động của các tổ chức đoàn thể địa phương, chẳng hạn như Hội thanh niên và các đoàn thể phụ nữ và các tổ chức xã hội dân sự. Các tổ chức này có thể tăng thêm nỗ lực về thông tin minh bạch trong cộng đồng DTTS thông qua việc áp dụng quy trình lập kế hoạch có nhiều sự tham gia và phát triển năng lực. Đặc biệt, cần khuyến khích tuyển dụng các cán bộ hỗ trợ địa phương từ các tổ chức đoàn thể địa phương, đặc biệt là Hội phụ nữ

Các thủ tục mà người dân cần thực hiện để cấp Giấy chứng nhận sẽ được thiết lập tại các xã, đồng thời các thủ tục khác liên quan đến đất đai cũng được thực hiện tại xã. Công chức địa chính cấp xã sẽ hỗ trợ cho bà con để không gây phiền hà. Các mẫu thông tin liên quan đến cấp giấy chứng nhận sẽ được công bố tại các UBND xã, thôn (nhà văn hóa hay nơi dân bản thường tập trung, lui tới).

- Hoạt động 7: Cung cấp thông tin về cơ chế giải quyết tranh chấp.

Cán bộ địa chính địa phương sẽ được lưu ý tại các khóa đào tạo của Dự án rằng bất cứ vấn đề về đất đai nào liên quan đến cộng đồng người dân tộc thiểu số phải được báo cáo cho Ban quản lý dự án tỉnh bất kể phương án hòa giải tại địa phương có thành công hay không.

Cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp và tiếp nhận, theo dõi tiến độ giải quyết được thực hiện đúng hướng dẫn tại Sổ tay hướng dẫn dự án và hướng dẫn của Ban quản lý dự án cấp trung ương.

Để hỗ trợ cho cơ chế này, Ban quản lý dự án VILG tỉnh sẽ thực hiện chỉ định cán bộ trực tiếp tiếp nhận và theo dõi, đôn đốc các đơn có liên quan giải quyết và thông báo kết quả giải quyết, khắc phục.

Để giảm thiểu các tranh chấp, khiếu nại phát sinh phải sử dụng tới hệ thống giải quyết chính thức của Nhà nước, dự án sẽ xây dựng một kênh tiếp nhận thông tin khiếu nại, tranh chấp đất đai thứ hai sau kênh tiếp nhận thông tin khiếu nại, tranh chấp đất đai chính thức, khuyến khích các nhóm dân tộc giải quyết các vấn đề thông qua các thiết chế phi chính thức nhưng hiệu quả tại cộng đồng, như mạng lưới trưởng thôn, ấp, bản... Cụ thể, mỗi xã, thôn sẽ thành lập tổ hòa giải để giúp UBND xã hòa giải các tranh chấp khi xảy ra. Sẽ huy động sự tham gia của sự cả vào các tổ, ban hòa giải nhằm tăng cường hiệu quả trong giải quyết triệt để tranh chấp. Việc chỉ định một cán bộ theo dõi hoạt động giải quyết tranh chấp, khiếu nại tại cấp xã, huyện và tỉnh cũng như tập huấn nâng cao kỹ năng giải quyết tranh chấp của các cán bộ địa chính và tổ hòa giải ở thôn sẽ là những hoạt động được duy trì trong suốt quá trình thực hiện dự án.

- Hoạt động 8: Công tác theo dõi, đánh giá.

Hệ thống giám sát Dự án được thiết kế để khảo sát mức độ chấp nhận, mức độ hài lòng của cộng đồng đối với các dịch vụ quản lý đất đai ở các huyện tham gia dự án, kể cả đối với người Kinh và không phải người Kinh.

Giám sát nội bộ của Ban VILG cấp TW và Đoàn giám sát của Ngân hàng thế giới sẽ được thực hiện tại các huyện có nhiều dân tộc thiểu số với mức độ cao hơn tại các huyện khác. Tương tự, việc giám sát tại các xã có cộng đồng người dân tộc thiểu số cũng sẽ được thực hiện riêng với mức độ cao hơn tại các xã khác. Vào năm thứ tư, Dự án sẽ tiến hành một đánh giá tác động liên quan đến các rủi ro đã xác định ở trên đối với quá trình triển khai Dự án tại các địa phương có nhiều dân tộc thiểu số.

Ngoài ra, Ban VILG cấp tỉnh phối hợp với UBND các huyện để tổ chức các Hội thảo để đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

– Ban Quản lý dự án Trung ương có trách nhiệm tập huấn, hướng dẫn tổ chức triển khai và kiểm tra việc tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển dân tộc tại địa phương theo Khung phát triển dân tộc của toàn dự án và theo Sổ tay hướng dẫn của dự án.

– Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phê duyệt Kế hoạch phát triển DTTS của tỉnh, chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Kế hoạch và cấp đủ kinh phí để thực hiện Kế hoạch.

– Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Dự án VILG tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Kế hoạch Phát triển Dân tộc thiểu số theo hướng dẫn được nêu trong Sổ tay hướng dẫn thực hiện Dự án.

– Ban Quản lý Dự án VILG tỉnh phân công một cán bộ chịu trách nhiệm làm đầu mối về các vấn đề xã hội. Cán bộ này có nhiệm vụ đôn đốc Nhóm thực hiện Dự án cấp huyện thực hiện đầy đủ các hoạt động trong khuôn khổ Kế hoạch này và giám sát nội bộ, lập báo cáo giám sát nội bộ 6 tháng 1 lần để trình NHTG xem xét.

– Đại diện Ban Dân tộc tỉnh/huyện, Nhóm tham vấn cộng đồng cấp huyện, công chức địa chính phường, xã có trách nhiệm phối hợp với Ban quản lý dự án VILG cấp tỉnh tổ chức các cuộc họp dân lấy ý kiến cộng đồng; đánh giá, tham vấn những vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án và các vấn đề về người dân tộc thiểu số; giám sát mức độ chấp nhận, mức độ hài lòng của cộng đồng đối với các dịch vụ quản lý/tiếp cận thông tin đất đai ở các huyện tham gia dự án, kể cả đối với các nhóm dân trên địa bàn, gồm cả nhóm dân tộc đa số và thiểu số.

– Cộng đồng, đồng bào dân tộc thiểu số có trách nhiệm phản ánh về tình hình triển khai dự án tại cộng đồng, những hoạt động của dự án có tác động và ảnh hưởng không tích cực đến quyền và lợi ích của cộng đồng.

– Các báo cáo định kỳ của Ban quản lý dự án VILG tỉnh (6 tháng) sẽ bao gồm báo cáo về tình hình triển khai Kế hoạch Phát triển dân tộc thiểu số tại tỉnh, trong đó nêu rõ các hoạt động đã được triển khai liên quan đến kế hoạch này tại các địa bàn của dự án; các ý kiến phản hồi của người dân tộc thiểu số liên quan đến các hoạt động của dự án tại tỉnh và kế hoạch triển khai các hoạt động tiếp theo, báo cáo về Ban quản lý dự án VILG cấp Trung ương.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các thành viên phản ánh kịp thời về Ban quản lý, Ban chỉ đạo dự án VILG tỉnh để có biện pháp giải quyết kịp thời.

VI. PHỔ BIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ

6.1. Công khai Kế hoạch DTTS

Ban QLDA tỉnh đã phổ biến Khung chính sách phát triển DTTS của dự án trong các buổi tập huấn kỹ thuật, tham vấn với cộng đồng DTTS và đăng tải trên trang web của địa phương.

Dự thảo Kế hoạch PTDTTS (DTTSDP) đã được tham vấn với chính quyền địa phương và cộng đồng DTTS trước khi trình WB phê duyệt. Kế hoạch PTDTTS được phê duyệt sẽ được công bố cho cộng đồng dân tộc thiểu số vùng dự án theo ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu thông qua các cuộc họp thôn/bản và lưu giữ ở UBND xã, nhà văn hóa cộng đồng đảm bảo những người dân tộc thiểu số vùng dự án, bao gồm hộ bị ảnh hưởng, hộ hưởng lợi và cộng đồng của họ có thể tiếp cận một cách thuận lợi và có thể hiểu hết được Kế hoạch đó. Kế hoạch PTDTTS được duyệt cũng sẽ được công bố trên trang web của NHTG.

Trong quá trình thực hiện dự án, nếu có các hoạt động phát sinh dẫn đến phát sinh các tác động, kế hoạch phát triển DTTS sẽ được cập nhật. Bản cập nhật sẽ được gửi WB xem xét và được công bố tới cộng đồng DTTS vùng dự án.

6.2. Đảm bảo sự tham gia Kế hoạch DTTS

Nhằm đảm bảo việc tham gia của người dân tộc thiểu số trong suốt quá trình chuẩn bị và thực hiện dự án, việc tham vấn cần được tiến hành một cách tự do, cung cấp đầy đủ thông tin trước khi thực hiện các hoạt động. BQLDA tỉnh đã tiến hành các cuộc họp tham vấn với cộng đồng dân tộc thiểu số, bao gồm hộ hưởng lợi và hộ bị ảnh hưởng để đánh giá nhu cầu của cộng đồng về sử dụng các dịch vụ cung cấp thông tin đất đai, đảm bảo rằng những phản ánh từ phía cộng đồng DTTS địa phương sẽ được ghi nhận và xem xét trong quá trình thiết kế và thực hiện dự án.

Trong quá trình chuẩn bị DTTSDP, các cuộc tham vấn cộng đồng thông qua họp dân, phỏng vấn các cá nhân và thảo luận nhóm đã được thực hiện. Người dân ở các thôn vùng dự án, bao gồm cả hộ bị ảnh hưởng đều tham gia thảo luận và chia sẻ thông tin. Phụ nữ, người dễ bị tổn thương và thanh niên được mời tham gia và khuyến khích đóng góp ý kiến. Các nhóm dân tộc thiểu số ở các xã vùng dự án đều được tham vấn. Các tổ chức đại diện của họ như Hội Phụ nữ, Hợp tác xã, Hội nông dân, Đoàn Thanh niên cấp xã và cấp thôn cũng được tham vấn.

Các cuộc tham vấn cộng đồng DTTS được thực hiện cho tất cả các xã vùng dự án có DTTS, đã đề cập các nội dung sau: a) những tác động tích cực và tiêu cực của dự án đối với hộ gia đình và cộng đồng, b) trên cơ sở các tác động tiêu cực, thảo luận với cộng đồng các biện pháp tránh hoặc giảm thiểu, và c) cơ hội kinh tế - xã hội mà dự án sẽ đem lại cho các hộ/cộng đồng DTTS.

Các cuộc họp tham vấn cũng đã được tổ chức với sự tham dự của đầy đủ các bên liên quan đến dự án bao gồm Ban Dân tộc tỉnh, đại diện các phòng ban của huyện, bao gồm phòng dân tộc, Phòng đăng ký đất đai, hội phụ nữ, đại diện đoàn thể các xã vùng dự án có DTTS để tìm hiểu, trao đổi với Ban Dân tộc tỉnh, phòng dân tộc các huyện của dự án một số chính sách đã ban hành cho người DTTS và các chương trình đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh, huyện xã vùng dự án liên quan đến sử dụng đất.

Cơ chế tham vấn và tham gia của người DTTS trong quá trình thực hiện dự án: tham vấn trước, tự do không ép buộc và cung cấp đầy đủ thông tin dẫn đến sự đồng thuận rộng rãi của cộng đồng DTTS đối với các hoạt động của dự án cần được thực hiện suốt quá trình thực hiện dự án và được ghi lại bằng biên bản. Các ý kiến phản hồi của cộng đồng cần được xem xét đưa vào dự án. Các phương pháp tham vấn và tham gia có thể sử dụng như thảo luận nhóm, phỏng vấn người chủ chốt, người có uy tín trong cộng đồng, trình diễn mô hình. Phương pháp tham vấn và sự tham gia của cộng đồng DTTS cần đảm bảo phù hợp với văn hóa của họ và đảm bảo các yếu tố về giới, liên thế hệ và bao gồm cả nhóm dễ bị tổn thương.

VII. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Cơ chế giải quyết khiếu nại được thiết lập cho Dự án này là cơ chế hai cấp: cấp cộng đồng và cấp chính quyền. Tại mỗi xã dự án, một Ban hòa giải sẽ được thành lập để tiếp nhận và giải quyết những thắc mắc hay tranh chấp của người dân bằng biện pháp hòa giải theo thể thức truyền thống. Nếu các khiếu nại không thể giải quyết ở cấp cộng đồng thì sẽ được gửi lên cấp chính quyền thông qua bộ phận một cửa ở cấp xã, huyện và tỉnh và cuối cùng là cấp tòa án.

Cán bộ xã hội của Ban QLDA tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận khiếu nại của người dân (nếu có) và làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết và theo dõi quá trình giải quyết cho đến khi kết thúc. Kết quả giải quyết cần được thông báo kịp thời bằng văn bản đến người có khiếu nại. Khiếu nại và kết quả giải quyết khiếu nại cần được báo cáo cụ thể trong các báo cáo về thực hiện cho Ban QLDA Trung Ương và cho Ngân Hàng Thế giới.

VIII. KINH PHÍ DỰ KIẾN

Tổng kinh phí dự kiến khoảng **463.000.000 đồng**. (*Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi ba triệu đồng*), tương đương 20.000 USD (quy đổi 1USD = 23.150 đồng tại thời điểm trình UBND Tỉnh phê duyệt). Quá trình triển khai thực hiện sẽ theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cụ thể.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (USD)	Thành tiền (USD)
Tổng cộng					20,000
Hoạt động 1:	Nhóm tham vấn cộng đồng và tổ chức hội thảo 2 lần một năm				5,000
-	Thù lao cho Nhóm tham vấn cộng đồng (Cán bộ cơ quan tài nguyên môi trường, cơ quan quản lý công tác dân tộc địa phương, cơ quan văn hóa địa phương, đại diện cộng đồng dân tộc thiểu số,....)				<i>Làm việc và hưởng lương theo chế độ kiêm nhiệm</i>
-	Chi khác (đi lại, in ấn, ...)		1	5,000	5,000
Hoạt động 2:	Sử dụng các công cụ truyền thông hiện đại và hiệu quả				<i>Lồng ghép vào tiểu HP 1.3 HP1</i>
-	Xây dựng nội dung truyền thông (dưới hình thức nghe nhìn DVD)				
-	Phát sóng và in DVD				
Hoạt động 3:	Đào tạo cho trường thôn, xóm, bản Tổ chức 01 hội nghị để đào tạo cho các trường thôn, xóm (120 người x 1 ngày)	<i>Hội nghị</i>	1	3,000	3,000
Hoạt động 4	Tổ chức họp dân ở các thôn và xã (5 cuộc họp/năm x 3 năm)	<i>Cuộc họp</i>	15	600	9,000
Hoạt động 5	Đào tạo cán bộ quản lý đất đai (Tổ chức hội thảo định hướng cho các cán bộ quản lý đất đai trong việc tiếp cận với người dân tộc) (2 Hội nghị/tỉnh)				<i>Lồng ghép vào các chương trình đào tạo của dự án và các chương trình khác của TW và địa phương</i>
Hoạt động 6	Thiết lập dịch vụ hỗ trợ tiếp cận thông tin đất đai và đăng ký đất ở các cộng đồng nơi có các nhóm dân tộc thiểu số sinh sống.				<i>Kinh phí từ nguồn chi hoạt động thường xuyên của VPĐK</i>
-	Kinh phí hỗ trợ cho VPĐKDD tổ chức thực hiện dịch vụ hỗ trợ tiếp cận thông tin đất đai và đăng ký đất cho các nhóm dân tộc thiểu số tại các vùng sâu, vùng xa (20 xã * 2 năm/lần)				

-	Văn phòng đăng ký đất đai tập huấn cán bộ cấp xã hỗ trợ tiếp cận và sử dụng hệ thống thông tin đất đai qua mạng Internet				
Hoạt động 7	<i>Ban hòa giải cộng đồng</i>				3.000
-	Tổ chức hội nghị tập huấn nâng cao kỹ năng giải quyết tranh chấp của các cán bộ địa chính và tổ hòa giải ở thôn, ấp (100 người x 1 ngày *1 năm/lần)	Hội Nghị	3	1,000	3,000
Hoạt động 8	<i>Công tác theo dõi, đánh giá</i>				
-	Theo dõi, đánh giá liên quan đến các hoạt động của dự án tại các địa bàn trong tỉnh theo nhóm dân tộc, trình trạng nghèo/cận nghèo/không nghèo và giới tính.				<i>Lồng ghép vào tiêu HP3</i>

IX. TỔ CHỨC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

Ban quản lý dự án VILG cấp tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện chung và giám sát nội bộ kế hoạch phát triển DTTS. Báo cáo giám sát sẽ được trình lên Ngân hàng Thế giới để xem xét và có ý kiến. Hoạt động giám sát, đánh giá cần phải được tiến hành một năm hai lần trong quá trình thực hiện dự án để xác định đúng lúc các vấn đề mà có thể cần có hành động ngay từ phía Ban quản lý dự án VILG cấp tỉnh.

Các hoạt động giám sát, đánh giá gồm:

BẢNG 1: TIÊU CHÍ THỰC HIỆN GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Hoạt động giám sát và đánh giá	Các chỉ số cơ bản
1. Tiến độ thực hiện DTTSDP	<ul style="list-style-type: none"> Bản kế hoạch phải được chia sẻ đến cộng đồng; Kế hoạch phải đáp ứng nhu cầu của người DTTS; Nguồn nhân lực đầy đủ để thực hiện kế hoạch.

<p>2. Thực hiện tham vấn cộng đồng và sự tham gia của người dân địa phương</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Cộng đồng DTTS, chính quyền xã, lãnh đạo thôn, bản, ấp... và các tổ chức quần chúng tại địa phương sẽ được cung cấp đầy đủ thông tin Kế hoạch PT DTTS và cơ chế khiếu nại. • Cộng đồng DTTS, đại diện các thôn, bản, ấp... và các tổ chức đoàn thể địa phương phải được tham vào hoạt động giám sát việc thực hiện Kế hoạch PT DTTS.
<p>3. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực tiềm ẩn</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Toàn bộ biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực từ Dự án phải được thực hiện một cách hiệu quả.
<p>4. Thực hiện các can thiệp phát triển cụ thể đối với cộng đồng DTTS địa phương</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Toàn bộ các hoạt động hỗ trợ đào tạo phải được thực hiện một cách hiệu quả.
<p>5. Cơ chế khiếu nại/khiếu kiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Cộng đồng DTTS hiểu rõ về cơ chế khiếu nại/khiếu kiện và các tài liệu tổ chức liên quan và loại báo cáo, và các giải pháp đạt được.

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH THAM DỰ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

TT	Họ và tên	Địa chỉ/ Đơn vị công tác	Nam	Nữ
I	Huyện Sa Pa		11	5
	Xã Sa Pả			
1	Hạng A Sùng	Trưởng thôn Sa Pả	X	
2	Thào Thị Dính	Thôn Sâu Chua		x
3	Giàng A Chớ	Trưởng thôn Sả Xéng	X	
4	Giàng Thị Mỹ	Thôn Suối Hồ		x
5	Má A Chờ	Trưởng thôn Má Tra	X	
6	Hạng A Sèo	Thôn Giàng Ta	X	
	Xã Tả Phìn			
1	Giàng A Chia	Trưởng thôn Lù Khẩu	X	
2	Chang A Sinh	thôn Suối Thầu	X	
3	Lys thị Sinh	Thôn Sả Xéng		x
4	Lý Phù Chiu	Trưởng thôn Tả Chải	X	
5	Hạng Thị Cờ	Thôn Can Ngải		x
6	Giàng A Giáo	Trưởng thôn Giàng Ta	X	
	Xã Hầu Thào			
1	Giàng A Thinh	Trưởng thôn Thào Hồng Dền	X	
2	Giàng A Giàng	Thôn Bản Pho	X	
3	Hạng Thị Sang	Thôn Hầu Chư Ngải		x
4	Má A Gà	Trưởng thôn Hang Đá	X	
II	Huyện Bắc Hà		16	5
	Xã Na Hối			
1	Vũ Thị Thu	Trưởng thôn Nhiu Lùng		x
2	Trần Anh Toàn	Trưởng thôn KM6	x	
3	Ly Seo Dấn	Trưởng thôn Di Thàng 1	x	
4	Nguyễn Văn Thanh	Trưởng thôn Di Thàng 2	x	
5	Nguyễn Thế Hưng	Trưởng thôn Km3	x	
6	Giàng Seo Sài	Trưởng thôn Chiu Cái	x	
7	Thàn Tờ Sấn	Thôn Cốc Môi	x	
8	Vàng Văn Sèo	Trưởng thôn Na Hối Nùng	x	
9	Vàng Thị Ường	Trưởng thôn Na Áng A		x
10	Sên Văn Dũng	Trưởng thôn NA Áng B	x	
11	LÝ Thị Hạnh	Thôn Sín Chải A		x
12	Sên Diu Giàng	Trưởng thôn Sín Chải B	x	
13	Vàng Văn Sỹ	Thôn Na Hối Tày	x	
14	Sùng Văn Sèng	Thôn Ngải Thầu	x	
	Xã Tả Chải			
1	Lâm Văn Bình	Trưởng thôn Na Lang	x	
2	Nguyễn Phi Hùng	Trưởng thôn Na Pắc Ngam		x

3	Vàng Văn Tân	Thôn Na Lo	x	
4	Vàng Văn Kiều	Trưởng thôn Na Kim	x	
5	Vùi Văn Phù	Trưởng thôn Na Thá	x	
6	Vàng Văn Lùng	Trưởng thôn Na Khèo	x	
7	Vàng Thị Cờ	Thôn Na Thang		x
III	Huyện Văn Bàn		29	5
1	Lự Xuân Lá	Thôn Ta Khuán	x	
2	Hoàng Văn Quỳnh	Thôn Khe Van	x	
3	Vũ Thị Oanh	Thôn Khe Chấn 1		x
4	Phạm Ngọc Hà	Thôn Khe Chấn 2		x
5	Lương Văn Việt	Thôn Khe Nhòi	x	
6	Triệu Văn Nhi	Thôn Thẩm Pha	x	
7	Hoàng Thừa Tài	Thôn Ba Hòn	x	
8	Chu Văn Bảy	Thôn Khôi Nghè	x	
9	Tạ Đình Mậu	Thôn Khe Lếch	x	
10	Vũ Thị Hiền	Thôn Khe Pàn		x
11	Vàng Seo Páo	Thôn Thác Dây	x	
12	Hoàng Thị Phương	Thôn Khe Mận		x
13	Sùng Seo Mùa	Thôn Tam Đình	x	
14	Nguyễn Thị Hoàng Nguyệt	Thôn Khe Hồng		x
	Xã Dương Quỳ			
1	Lương Văn Bang	Thôn Là Hạch	x	
2	Phùng Văn Vui	Thôn Là Him	x	
3	Đồng Văn Mong	Thôn Là Có	x	
4	Hoàng Văn ĐỒ	Thôn Bản Pầu	x	
5	La Văn Quyết	Thôn Bản Khoay	x	
6	La Văn Thắng	Thôn Khuân Đo	x	
7	La Đức Hiệp	Thôn Đông Xoáy	x	
8	Hoàng Văn Sư	Thôn Tông Hóc	x	
9	Quang Thanh Minh	Thôn Tùn Dưới	x	
10	Triệu Vạn Thắng	Thôn Tùn Trên	x	
11	Bản Văn Láy	Thôn Nậm Hóc	x	
12	Hoàng Văn Khánh	Thôn Pá Bó	x	
13	Lương Văn Bồng	Thôn Trung Tâm	x	
	Xã Hòa Mạc			
1	Hà Văn Liêm	Thôn Mạc	x	
2	La Văn Dũng	Thôn Loong Xề	x	
3	Hà Văn Lộc	Thôn Nà Khoen	x	
4	Hoàng Văn Thính	Thôn Trung Đoàn	x	
5	Đồng Xuân Hơn	Thôn Thái Hòa	x	
6	Hà Phúc Hưng	Thôn Nà Lộc	x	
7	Hoàng Văn Hanh	Thôn Làng Chút	x	

**PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH THAM DỰ THAM VẤN CÁN BỘ LÀM
CÔNG TÁC QUẢN LÝ/CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ**

TT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị công tác	Nam	Nữ
1	Nguyễn Trung Dũng	Doanh nghiệp	1	
2	Nguyễn Thị Tâm	Doanh nghiệp	1	
3	Nguyễn Thanh Sơn	Doanh nghiệp		1
4	Phạm Hùng Thu	Doanh nghiệp	1	
5	Lã Thanh Hải	Doanh nghiệp	1	
6	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Doanh nghiệp		1
7	Hoàng Đình Trung	Doanh nghiệp	1	
8	Nguyễn Thịnh	Doanh nghiệp	1	
9	Phạm Văn Quân	VPĐK đất tỉnh	1	
10	Nguyễn Văn Long	VPĐK, CN Sa Pa	1	
11	Nguyễn Thanh Sơn	TT Quỹ Đất Thành Phố	1	
12	Phạm Thị Minh	VPĐK, CN thành Phố		1
13	Nguyễn Thị Hào	VPĐK, CN Bảo yên		1
Tổng số			9	4